VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG-THƯ

CONNAISSANCES USUELLES (Cours enfantin)

# TOÁN-PHÁP
# CÁCH-TRÍ, ĐỊA-DƯ
## LỚP ĐỒNG-ẤU

(Sách này do Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC và ông ĐỖ-THẬN soạn)

huongmaitruongxuaviet

In lần thứ mười hai

Nhà-nước giữ bản-quyền

Cấm không ai được in lại

*NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP*
XUẤT-BẢN
1938

Giá bán trong xứ Đông-Pháp Nhà-nước ấn định là : 0$

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG-THƯ

CONNAISSANCES USUELLES (Cours enfantin)

# TOÁN-PHÁP
# CÁCH-TRÍ, ĐỊA-DƯ

## LỚP ĐỒNG-ẤU

(Sách này do Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC
và ông ĐỖ-THẬN soạn)

thuongmaitruongxua.vn

In lần thứ mười hai

hà-nước giữ bản quyền

Cấm không ai được in lại

*NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP*
XUẤT-BẢN
1938

# TOÁN - PHÁP

## LỜI DẶN ÔNG THẦY

*1° — Trước khi ra bài cho học-trò làm, thì phải chọn nhiều thi-dụ mà cắt nghĩa cho rõ-ràng. Những thi-dụ cốt phải chọn cho cẩn-thận, giản-dị và phải lựa từ dễ đến khó.*

*2° — Khi tập làm tính miệng thì cả lớp phải chú-ý vào. Khi bắt học-trò tính từng 2, từng 3.... trở lên hay trở xuống, thì phải hỏi nhiều đứa, hết đứa này đến đứa khác. Đứa trước đọc mấy số vừa xong, thì bất-thình-lình chỉ ngay đứa khác đọc tiếp theo.*

*3° — Những bài tập ở trong sách là để làm mẫu, ông thầy phải theo mẫu ấy mà đặt thêm ra nhiều bài khác nữa để ra cho học-trò.*

*4° — Cốt nhất ông thầy phải giữ cho vừa sức học-trò lớp Đồng-ấu, không được dạy khó hơn lên. Ông thầy phải biết rằng những bài dạy ở lớp Đồng-ấu thì lên đến lớp Dự-bị lại dạy lại, chỉ đổi ra những số khó hơn một chút mà thôi. Vậy ông thầy phải dùng những số nhỏ, những bài dễ, chứ không được dạy khó hơn cái trình-độ sách này.*

*5° — Còn việc dạy vẽ, thì ông thầy nên bắt học-trò dùng giấy kẻ (gạch) vuông, để trẻ con [1] vẽ cho dễ.*

**Chú cước :** Trong sách này, những tiếng đứng giữa ngoặc đơn là tiếng Trung-kỳ, những tiếng có số ở dưới trang là tiếng Nam-kỳ.

(1) con nít.

thuongmaitruongxua.vn

# Phép đếm

1. — Mười số đầu là :

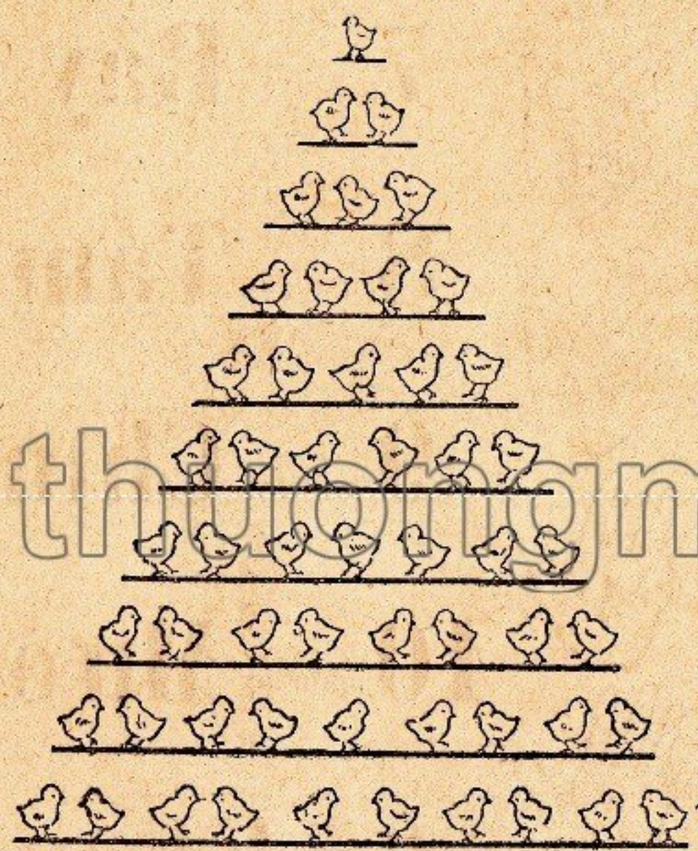

| | |
|---|---|
| **Một** | 1 con gà con |
| **Hai** | 2 con gà con |
| **Ba** | 3 con gà con |
| **Bốn** | 4 con gà con |
| **Năm** | 5 con gà con |
| **Sáu** | 6 con gà con |
| **Bảy** | 7 con gà con |
| **Tám** | 8 con gà con |
| **Chín** | 9 con gà con |
| **Mười** | 10 con gà con |

2. — 0 là không có.
3. — Chín số đầu gọi là số hàng một.
4. — Mười số hàng một họp lại là một chục.
5. — Trong một số có hai chữ số thì chữ số hàng một ở bên tay phải (1), chữ số hàng chục ở bên tay trái.

(1) tay mặt



# Mười chữ số

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| một | hai | ba | bốn |
| **5** | **6** | **7** | **8** |
| năm | sáu | bảy | tám |
| | **9** | **0** | |
| | chín | không | |

**1 2 3 4 5 6 7 8 9 0**

thuongmaitruongxua.vn

## Tập tính viết

Viết hai lần các chữ số từ 1 đến 10, từ 10 đến 1.
Viết mười số đầu năm lần, số nào để trên số ấy cho thẳng.

## Tính cộng (cọng) (dấu cộng +)[1]

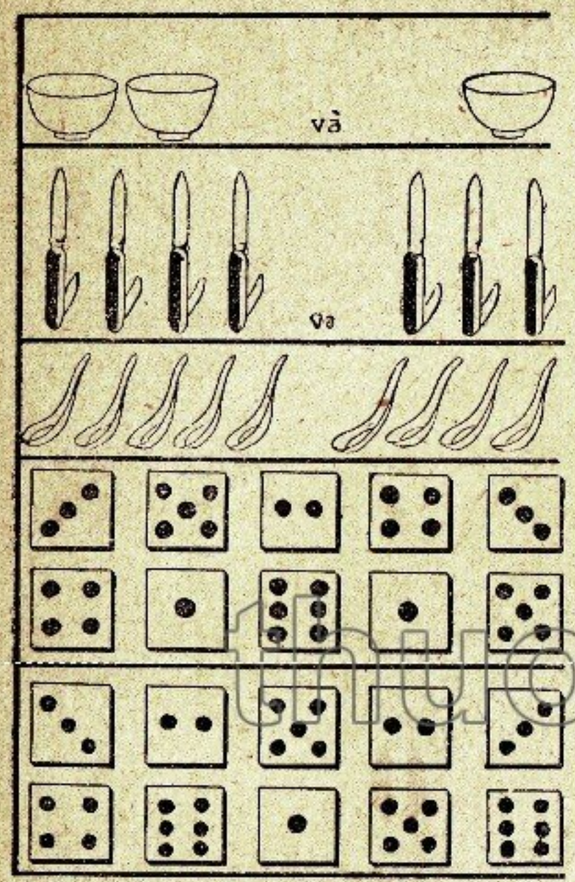


**2** cái bát (2) và **1** cái bát là ...

**4** con dao và **3** con dao là ...

**5** cái thìa (muỗng) và **4** cái thìa là ...

Đếm những chấm từng hai con xúc-xắc (tào cáo) (3) một rồi cộng lại.

Thí-dụ : **2** và **4** là ...

### Tập tính miệng

1.— Đếm từ 1 đến 10 hòn sỏi, hòn gạch. quả (4) cam, v. v.

2.— Đếm 6 quả quýt và 1 quả quýt là.

5 quả chuối và 2 quả chuối là...
3 quả cam và 4 quả cam là ...
5 quả dừa và 3 quả dừa là...

### Tập tính viết

Làm những tính cộng sau này:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 2 | 2 | 3 | 5 | 2 | 7 | 4 | 5 | 5 |
| + | 2 | 3 | 4 | 3 | 6 | 2 | 4 | 4 | 5 |
| | — | — | — | — | — | — | — | — | — |

(1) **LỜI DẶN.** — (Tính cộng). Tôi có hai cái bát, tôi thêm vào một cái nữa là ba cái bát, như thế là tôi làm tính cộng. — Cái số 3 ấy gọi là số cộng. — Dấu tính cộng là chữ thập đánh như thế này (+) đọc là cộng, (2) tô — (3) lúc-lác — (4) trái.



## Tính cộng (cọng)

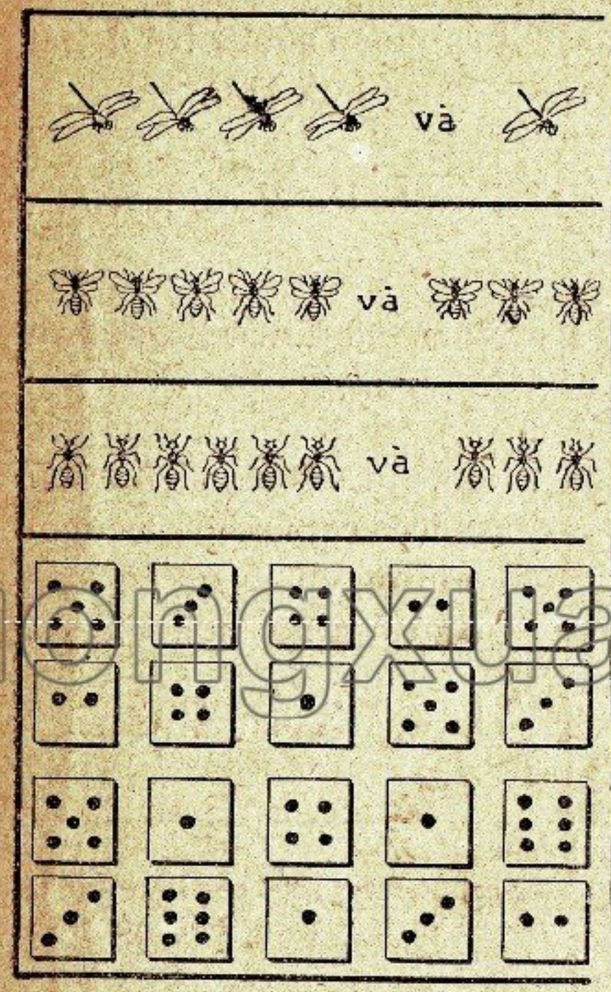


**4** con chuồn-chuồn và **1** con chuồn-chuồn là...

**5** con ong và **3** con ong là...

**6** con kiến và **3** con kiến là...

Đếm những chấm từng hai con xúc-xắc (tào-cáo) một, và cộng lại.

Cộng hai cách:

Thí dụ như **3** và **5** là...
**5** và **3** là...

### Tập tính miệng

*Đếm :*

4 cái nón và 2 cái nón là...
6 cái dù và 3 cái dù là...

3 cái áo và 5 cái áo là...
3 cái khăn và 3 cái khăn là...

### Tập tính viết

Làm những tính cộng sau này :

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 3 | 5 | 6 | 6 | 1 | 7 | 8 | 1 |
| + | 3 | 1 | 2 | 3 | 7 | 2 | 1 | 9 |
| | — | — | — | — | — | — | — | — |

thuongmaitruongxua.vn

## Tính trừ (dấu trừ —) (1)

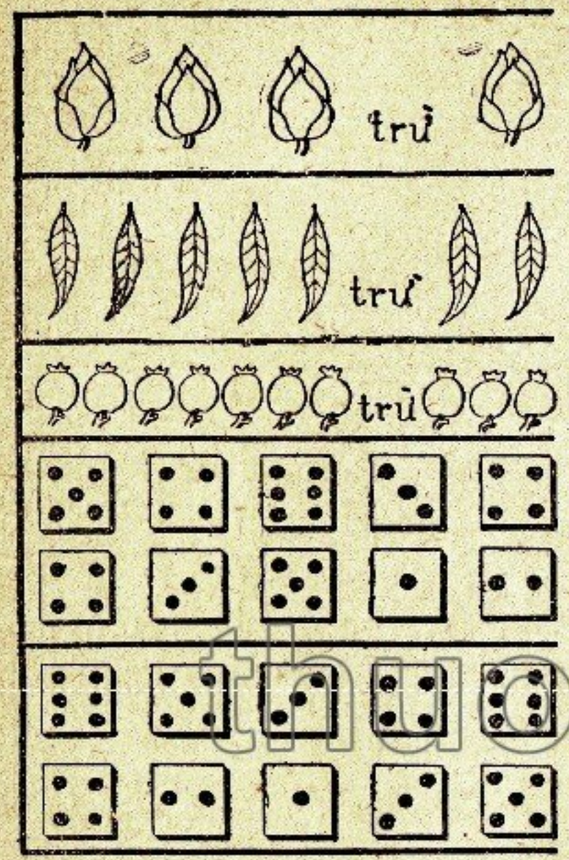


**3** cái hoa (bông) trừ **1** cái hoa còn...

**5** cái lá trừ **2** cái lá còn...

**7** quả (2) lựu trừ **3** quả lựu còn...

Đếm những chấm ở một cái xúc-xắc (tảo-cáo) rồi đếm những chấm ở cái xúc-xắc ở dưới mà trừ đi.

Thí-dụ : **3** trừ **1** còn...

thuongmaitruongxua.vn

### Tập tính miệng

1. — Đếm từ 10 đến 1 ngòi bút (3), bút chì (4), cái tẩy (gôm).
2. — 3 cái tủ trừ 2 cái tủ còn bao nhiêu?
   6 cái khay trừ 3 cái khay còn bao nhiêu?
   3 cái ghế trừ 3 cái ghế còn bao nhiêu?
   7 cái bàn trừ 4 cái bàn còn bao nhiêu?
   8 cái ghế đẩu trừ 2 cái ghế đẩu còn bao nhiêu?
   9 cái mâm trừ 5 cái mâm còn bao nhiêu?

### Tập tính viết.

Làm những tính trừ sau này :

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 4 | 4 | 6 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 6 | 7 | 8 |
| — | 1 | 2 | 4 | 3 | 4 | 2 | 5 | 3 | 5 | 4 | 5 |
| | | | | | | | | | | | |

(1) **LỜI DẶN.** — (Tính trừ). Tôi có ba cái hoa, tôi trừ đi một cái còn 2 cái. Như thế là tôi làm tính trừ. — Số hai còn lại ấy gọi là số thừa (5). Dấu tính trừ là vạch ngang (—) đọc là trừ.

(2) trái — (3) viết — (4) viết chì — (5) dư.



## Tính trừ

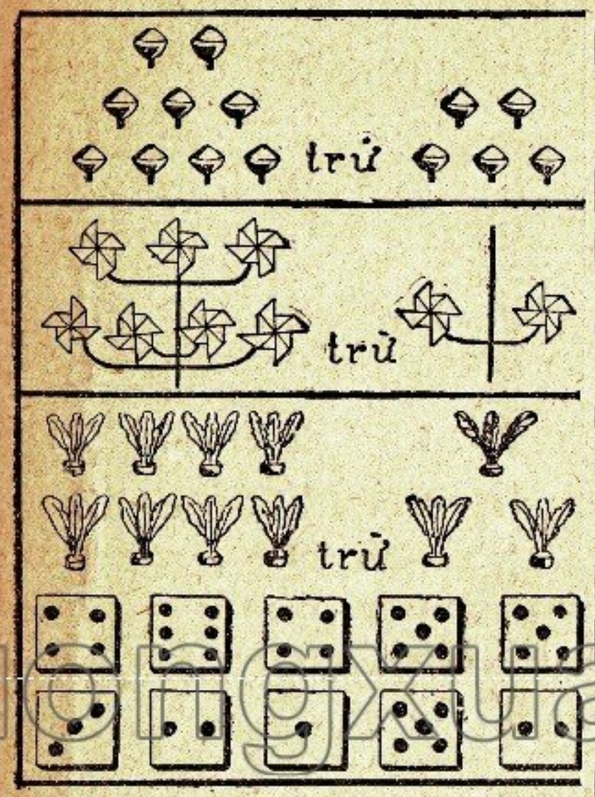


**9** con quay (vụ) trừ **5** con quay còn...

**7** chong-chóng trừ **2** chong-chóng còn...

**8** quả (1) cầu trừ **3** quả cầu còn...

Đếm những chấm ở một con xúc-xắc (tảo-cáo), rồi đếm những chấm ở con xúc-xắc dưới mà trừ đi.

### Tính mẫn

| | | |
|---|---|---|
| 5 trừ 3 còn... | 7 trừ 5 còn... | 8 trừ 6 còn... |
| 6 trừ 2 còn... | 8 trừ 4 còn... | 9 trừ 4 còn... |

### Tập tính miệng

7 đồng tiền trừ 3 đồng tiền còn bao nhiêu?
7 xu trừ 4 xu còn bao nhiêu?
6 đồng bạc trừ 4 đồng bạc còn bao nhiêu?
8 cái hoa trừ 4 cái hoa còn bao nhiêu?
9 quả dừa trừ 4 quả dừa còn bao nhiêu?
9 cái lá trừ 4 cái lá còn bao nhiêu?

### Tập tính viết

Làm những tính trừ sau này:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 2 | 3 | 3 | 3 | 5 | 5 | 8 | 6 | 6 | 7 | 7 | 8 |
| — | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 4 | 5 | 3 | 2 | 3 | 5 | 3 |
| | | | | | | | | | | | | |

(1) trái.

## Bài ôn lại

| *Cộng* (cộng) | | | | | *Trừ* | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | và | 1 | là | 2 | 10 | trừ | 2 | còn | 8 |
| 2 | và | 2 | là | 4 | 8 | trừ | 2 | còn | 6 |
| 4 | và | 2 | là | 6 | 6 | trừ | 2 | còn | 4 |
| 6 | và | 2 | là | 8 | 4 | trừ | 2 | còn | 2 |
| 8 | và | 2 | là | 10 | 2 | trừ | 2 | còn | 0 |
| 1 | và | 2 | là | 3 | 9 | trừ | 2 | còn | 7 |
| 3 | và | 2 | là | 5 | 7 | trừ | 2 | còn | 5 |
| 5 | và | 2 | là | 7 | 5 | trừ | 2 | còn | 3 |
| 7 | và | 2 | là | 9 | 3 | trừ | 2 | còn | 1 |

### Tập tính miệng

| *Cộng* (cộng) | *Trừ* |
|---|---|
| 2 cái búa và 3 cái búa là bao nhiêu? | 5 cái chai trừ hai cái còn bao nhiêu? |
| 3 cái đinh và 6 cái đinh là bao nhiêu? | 6 cái cốc (ly) trừ 4 cái cốc còn bao nhiêu? |
| 6 cái đục và 3 cái đục là bao nhiêu? | 7 cái liễn (1) trừ 3 cái liễn còn bao nhiêu? |
| 4 cái kim và 8 cái kim là bao nhiêu? | 8 cái thúng trừ 5 cái thúng còn bao nhiêu? |
| 7 cái rìu và 2 cái rìu là bao nhiêu? | 10 cái bị trừ 6 cái bị còn bao nhiêu? |

Tính đố

1. — Trong một cái rổ có 9 quả (2) cam. Người ta đã ăn hết 7 quả. Còn mấy quả nữa?

2. — Trên bàn giấy có 6 ngòi bút (3). Tôi thêm 2 ngòi nữa vào, rồi tôi lại lấy đi 5 ngòi. Còn mấy ngòi?

Tính

Làm những tính sau này:

*Tính cộng*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3 | 4 | 4 | 2 | 2 |
| + 2 | 1 | 1 | 4 | 3 |
| 1 | 2 | 3 | 3 | 2 |

*Tính trừ*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | 5 | 6 | 6 | 7 | 9 |
| — 1 | 2 | 4 | 5 | 4 | 5 |

(1) thố — (2) trái — (3) viết.



## Tập vẽ

Kẻ những nét như sau này:

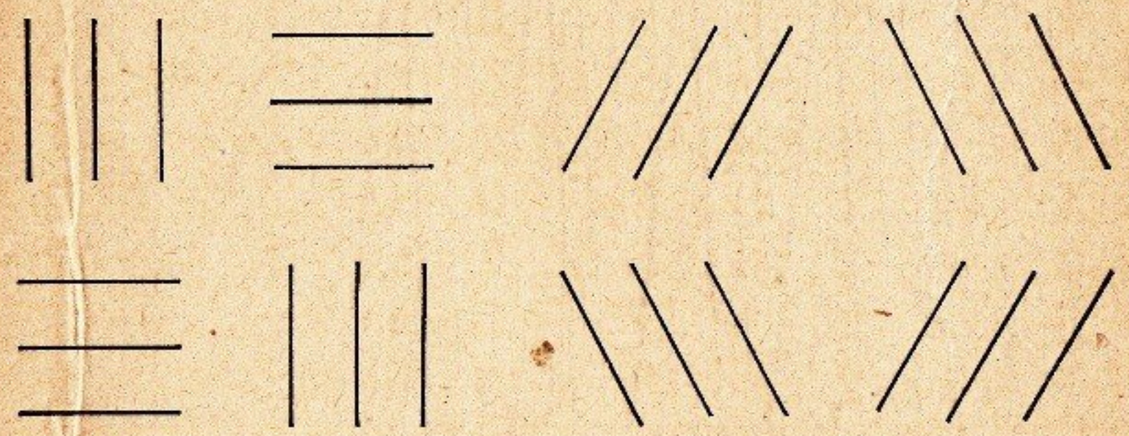

thuongmaitruongxua.vn

### Tập tính miệng

1. — Bắc mua 5 quả (1) chuối. Nam mua 2 quả. Hai người cùng mua mấy quả chuối?

2. — Người chủ trả cho một người thợ mộc 4 đồng bạc, một người nữa 5 đồng bạc. Vậy người chủ trả cả hai người thợ bao nhiêu tiền?

3. — Thanh có 6 xu, đã tiêu mất 3 xu, còn mấy xu?

4. — Nam có 10 hòn bi. Đánh thua mất 3 hòn, còn mấy hòn?

5. — Nhã có 9 quả táo, ăn mất 4 quả, cho em 3 quả, còn mấy quả?

### Bài làm

Đếm những nét dọc, nét ngang, ở trong bài vẽ, được bao nhiêu nét thì viết ra bằng số.

Tôi viết từ số 2, rồi cứ thêm 2 cho đến 10. Những số ấy là số chẵn.

Tôi viết từ số 1, rồi cứ thêm 2 cho đến 9. Những số ấy là số lẻ.

(1) trái

# Một thước có mười tấc

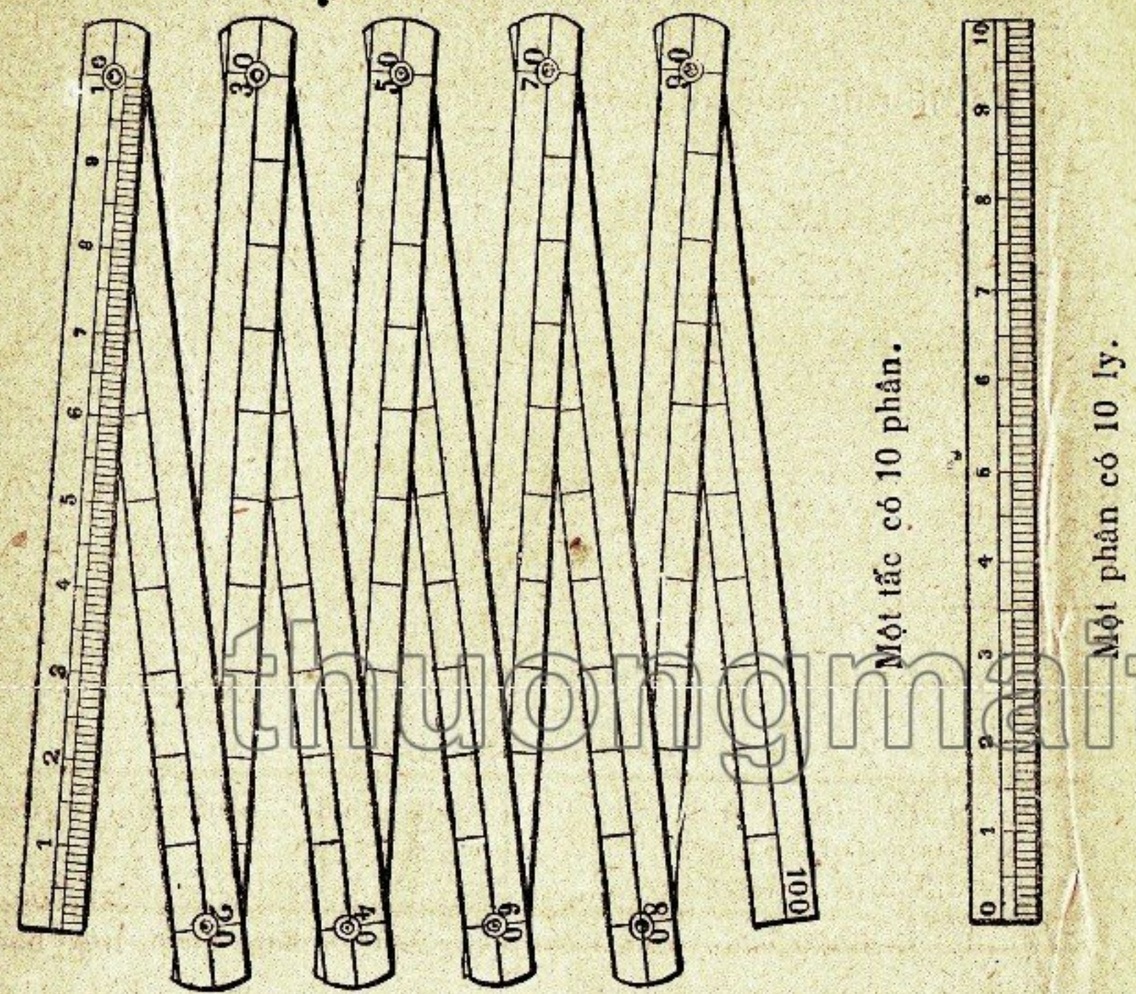


*Thước gấp* (vẽ to bằng thước thật)

## Tập tính miệng

| *Cộng* (cọng) | *Trừ* |
|---|---|
| 2 thước và 3 thước là bao nhiêu ? | 6 thước trừ 2 thước còn bao nhiêu? |
| 5 tấc và 2 tấc là bao nhiêu? | 7 tấc trừ 3 tấc còn bao nhiêu ? |
| 4 phân và 5 phân là bao nhiêu ? | 8 phân trừ 5 phân còn bao nhiêu? |
| 3 ly và 5 ly là bao nhiêu? | 9 ly trừ 4 ly còn bao nhiêu ? |

## Tập tính viết

Trong một thước có bao nhiêu tấc? Trong một tấc có bao nhiêu phân? Trong một phân có bao nhiêu ly?



# Gấp đôi và một nửa

Khi tôi nói 3 với 3 là 6, là tôi gấp đôi số 3 lên. — Số 6 là số gấp đôi số 3 và số 3 là một nửa số 6.

## Tập tính miệng

1. — Tôi trông thấy 5 cái xe kéo đi qua, vậy có bao nhiêu bánh xe?

2. — Một người làm 10 cái bánh xe. Mỗi xe phải 2 cái bánh, vậy người ấy đóng mấy cái xe?

3. — Một người thợ giầy đóng giầy cho 4 người. Vậy phải làm bao nhiêu chiếc giầy ?

4. — 4 người ngồi ăn cơm. Phải bao nhiêu chiếc đũa ?

5. — Một người mua 6 chiếc giầy về nhà. Vậy người ấy mua giầy cho mấy người ?

6. — Gấp đôi số 2, 3, 4, 5 là bao nhiêu ? Một nửa số 8, 6, 4, 2 là bao nhiêu ?

## Bài tập

Vẽ cái tấc tây. Kẻ 5 vạch dọc, kẻ 5 vạch ngang.

## Tập vẽ

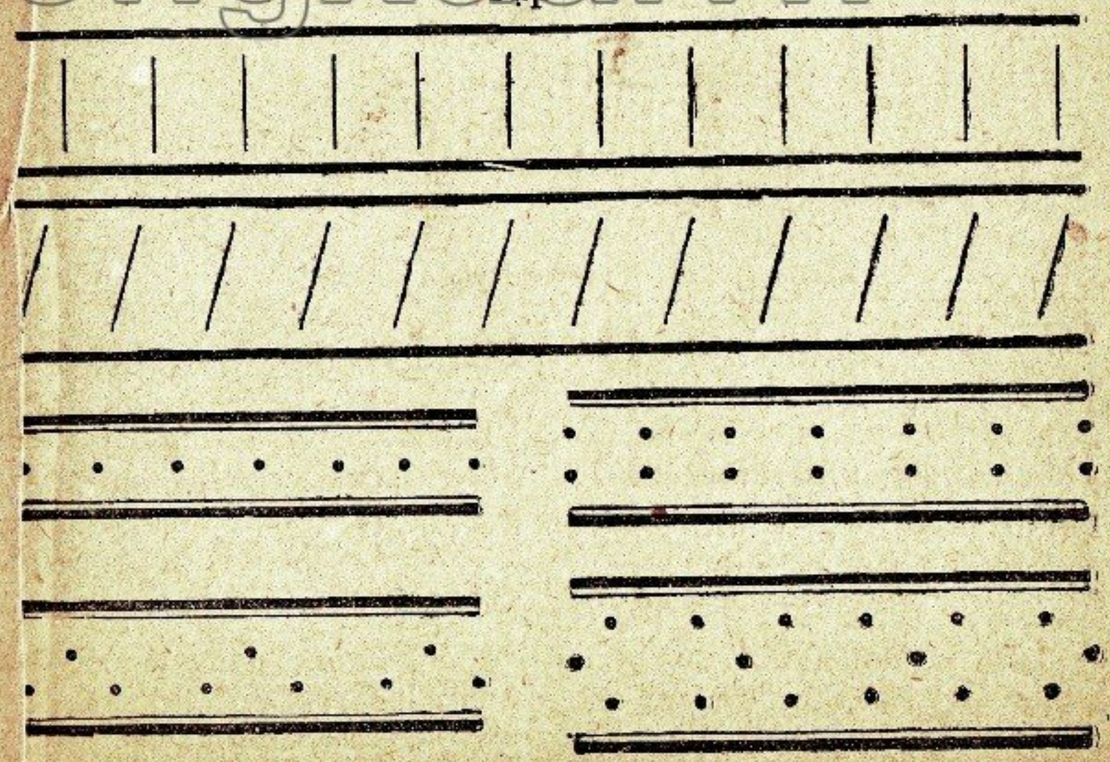

thuongmaitruongxua.vn

# Từ mười đến hai mươi
## Hàng chục và hàng một

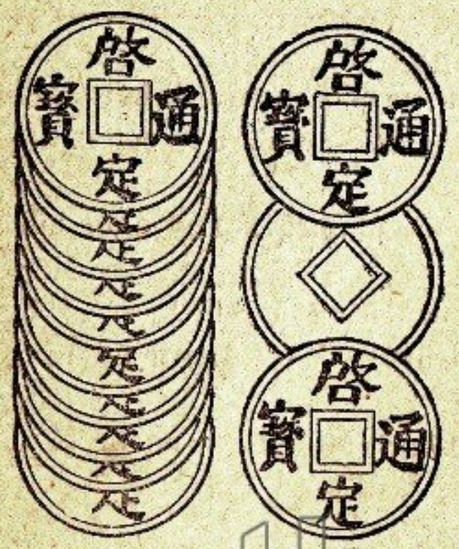

Một chục và ba số hàng một

Mười ba đồng tiền đồng

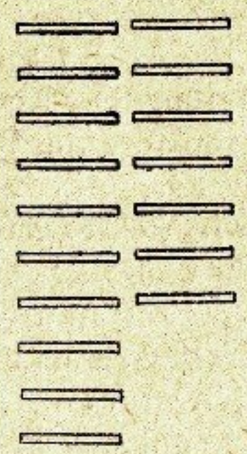

Một chục và bảy số hàng một

Mười bảy cái que

1 3 1 7

Tôi đếm tiền đồng (1). Trước tôi đếm 10 đồng hay một chục đồng. Còn 3 đồng nữa. Tôi nói rằng có

13 Mười ba } đồng tiền đồng.

Tôi đếm que. Tôi thấy

17 Mười bảy } cái que

| | |
|---|---|
| 10 và 1 hay mười một 11. | 10 và 6 hay mười sáu 16. |
| 10 và 2 hay mười hai 12. | 10 và 7 hay mười bảy 17. |
| 10 và 3 hay mười ba 13. | 10 và 8 hay mười tám 18. |
| 10 và 4 hay mười bốn 14. | 10 và 9 hay mười chín 19. |
| 10 và 5 hay mười lăm 15. | 10 và 10 hay hai mươi 20. |

(1) Tại Bắc-kỳ tiền đồng Khải-định giá một nửa đồng xu.



# Thêm hai hay bớt hai. — từ 10 đến 20

Học và chép (viết):

| *Cộng* (cọng) | *Trừ* | *Cộng* (cọng) | *Trừ* |
|---|---|---|---|
| 10 và 2 là 12 | 20 trừ 2 còn 18 | 9 và 2 là 11 | 19 trừ 2 còn 17 |
| 12 và 2 là 14 | 18 trừ 2 còn 16 | 11 và 2 là 13 | 17 trừ 2 còn 15 |
| 14 và 2 là 16 | 16 trừ 2 còn 14 | 13 và 2 là 15 | 15 trừ 2 còn 13 |
| 16 và 2 là 18 | 14 trừ 2 còn 12 | 15 và 2 là 17 | 13 trừ 2 còn 11 |
| 18 và 2 là 20 | 12 trừ 2 còn 10 | 17 và 2 là 19 | 11 trừ 2 còn 9 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Số chẵn : | 2 | 4 | 6 | 8 | 10 | 12 | 14 | 16 | 18 | 20 |
| Số lẻ : | 1 | 3 | 5 | 7 | 9 | 11 | 13 | 15 | 17 | 19 |

thuongmaitruongxua.vn

### Tính nhẩm

1.— 10 và 1, — 12 và 1, — 15 và 1, — 18 và 1, — 19 và 1 là bao nhiêu?
2.— 11 trừ 1, — 13 trừ 1, — 18 trừ 1, — 15 trừ 1 còn bao nhiêu?
3.— Mẹ anh cho anh 4 xu, cha anh cho anh 7 xu, anh có bao nhiêu xu?
4.— Mẹ anh có 15 cái trứng gà bán đi 12 cái. Còn mấy cái trứng nữa?
5.— Xuân có 1 cái kẹo. Hạ và Thu mỗi đứa cho thêm 2 cái nữa. Vậy Xuân có mấy cái kẹo?

### *Tính*

Làm những tính cộng sau này:

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 6 | 4 | 4 | 7 | 8 | 8 |
| + | 4 | 7 | 9 | 7 | 7 | 9 |
| | — | — | — | — | — | — |

### *Câu hỏi*

Đáp lại những câu hỏi sau này:
10 là mấy chục? 20 là mấy chục?
Trong một chục có mấy số-một?
Trong hai chục có mấy số-một?

## Tính Cộng

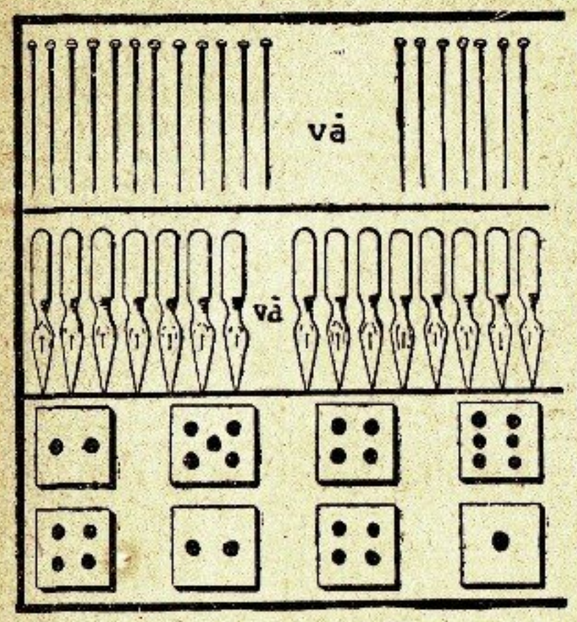


**12** đinh ghim và **7** đinh ghim là ...

**7** ngòi bút (1) và **8** ngòi bút là ...

Đếm những chấm trong một con xúc-xắc (tào cáo) và gấp đôi số ấy lên.

Cứ từng bốn cái xúc-xắc một mà đếm xem bao nhiêu chấm ?

Đếm từ **10** mà cứ thêm **3** cho đến **19**

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **10** | và | **3** | là | **13** | **11** | và | **3** | là | **14** |
| **13** | và | **3** | là | **16** | **14** | và | **3** | là | **17** |
| **16** | và | **3** | là | **19** | **17** | và | **3** | là | **20** |

### Bài tập

5 quả (2) chanh và 4 quả chanh và 1 quả chanh là bao nhiêu?

7 quả ớt và 5 quả ớt và 8 quả ớt là bao nhiêu ?

6 quả cà và 3 quả cà và 5 quả cà là bao nhiêu ?

Gấp đôi số 3,5,7,9 là bao nhiêu ?

4 con lợn (3) và 6 con lợn và 5 con lợn là bao nhiêu?

3 con ngựa và 7 con ngựa và 8 con ngựa là bao nhiêu ?

13 con trâu và 9 con trâu và 6 con trâu là bao nhiêu ?

Đếm từ 1 cứ thêm 4 cho đến 17

### Tính

Làm những tính cộng sau này:

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 6 | 4 | 8 | 8 | 6 | 12 | 13 | 10 | 6 | 8 | 12 |
| + | 7 | 5 | 4 | 5 | 3 | 1 | 4 | 2 | 6 | 8 | 2 |
| | 3 | 9 | 2 | 7 | 4 | 5 | 2 | 6 | 4 | 4 | 5 |
| | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |

(1) viết — (2) trái — (3) heo



## Tính cộng

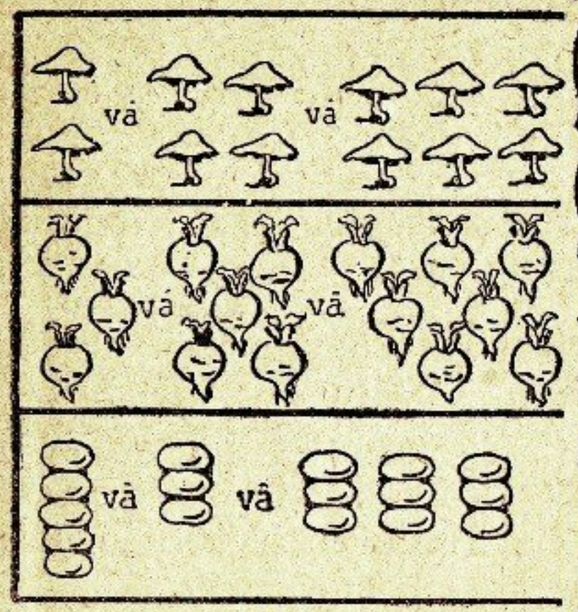


**2** cái nấm và **4** cái nấm và **6** cái nấm là...

**3** củ cải và **5** củ cải và **7** củ cải là...

**5** hột ngô (1) và **3** hột ngô và **9** hột ngô là...

Đếm từng **4** một đến **20**

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **3** | và | **4** | là | **7** | **4** | và | **4** | là | **8** |
| **7** | và | **4** | là | **11** | **8** | và | **4** | là | **12** |
| **11** | và | **4** | là | **15** | **12** | và | **4** | là | **16** |
| **15** | và | **4** | là | **19** | **16** | và | **4** | là | **20** |

### Tập tính miệng

6 cây và 10 cây và 3 cây là bao nhiêu?

7 cành và 5 cành và 6 cành là bao nhiêu?

4 cụm lúa và 8 cụm lúa và 3 cụm lúa là bao nhiêu?

1 khóm (dì) (2) khoai và 9 khóm khoai và 9 khóm khoai là bao nhiêu ?

Gấp đôi số 2, 4, 6, 8 là bao nhiêu?

8 cái nhẫn (3) và 1 cái nhẫn và 5 cái nhẫn là bao nhiêu ?

7 cái vòng và 5 cái vòng và 4 cái vòng là bao nhiêu ?

9 cai kiềng và 3 cái kiềng và 1 cái kiềng là bao nhiêu ?

7 cái khuy (nút) và 9 cái khuy và 3 cái khuy là bao nhiêu ?

Đếm từ 2 rồi cứ thêm 4 cho đến 18.

### Tập tính viết

Viết những số này ra chữ số : tám, — mười hai, — mười bốn, — mười bảy, — mười sáu, — mười tám, — hai mươi.

Viết những chữ số này ra chữ : 5, 7, 12, 13, 15, 18, 19, 20

(1) bắp — (2) giây — (3) cà ra

thuongmaitruongxua.vn

## Tính trừ

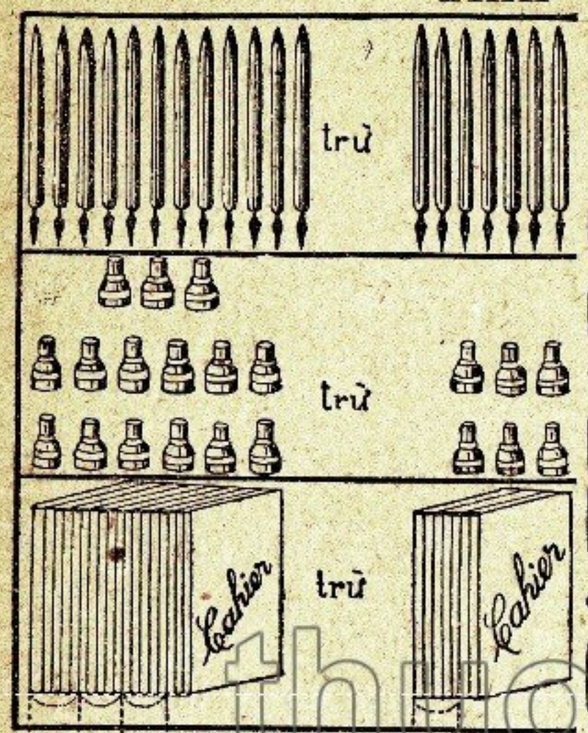


**12** quản bút (cán viết) trừ **7** quản bút còn...

**15** lọ (1) mực trừ **6** lọ mực còn...

**18** quyển (2) vở trừ **7** quyển vở còn...

Bớt **3**, từ **20** đến **10**

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **20** | trừ | **3** | còn | **17** | **19** | trừ | **3** | còn | **16** |
| **17** | trừ | **3** | còn | **14** | **16** | trừ | **3** | còn | **13** |
| **14** | trừ | **3** | còn | **11** | **13** | trừ | **3** | còn | **10** |

### Tập tính miệng

13 lược thưa (sưa) trừ 4 lược thưa (sưa) còn bao nhiêu ?

11 lược bí (dày) trừ 5 lược bí (dày) còn bao nhiêu ?

15 cái quạt trừ 6 cái quạt còn bao nhiêu ?

Một nửa 12, 10, 8, 6, 4 là bao nhiêu?

19 cái đèn trừ 12 cái đèn còn bao nhiêu ?

13 cây nến (bạch-lạp, sáp) (3) trừ 9 cây nến còn bao nhiêu ?

17 cái tranh trừ 9 cái tranh còn bao nhiêu ?

Đếm từ 20 trở xuống cứ bớt 2 cho đến 0.

### Tính nhẩm

20 trừ 1, — trừ 3, — trừ 2, — trừ 5, — trừ 4, — trừ 12, — trừ 16 còn bao nhiêu ?

(1) bình — (2) tập — (3) đèn cây.



## Tính trừ

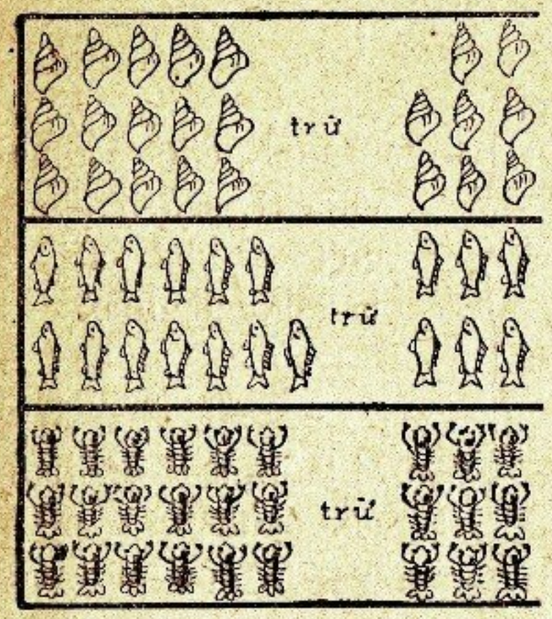


**15** con ốc trừ **8** con ốc còn.

**13** con cá trừ **6** con cá còn.

**18** con tôm trừ **9** con tôm còn...

Bớt **4** từ **20** trở xuống

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **20** | trừ | **4** | còn | **16** | **19** | trừ | **4** | còn | **15** |
| **16** | trừ | **4** | còn | **12** | **15** | trừ | **4** | còn | **11** |
| **12** | trừ | **4** | còn | **8** | **11** | trừ | **4** | còn | **7** |
| **8** | trừ | **4** | còn | **4** | **7** | trừ | **4** | còn | **3** |

### Tập tính miệng

18 viên gạch trừ 12 viên gạch còn bao nhiêu ?

19 viên ngói trừ 9 viên ngói còn bao nhiêu ?

15 hòn đá trừ 6 hòn đá còn bao nhiêu ?

Một nửa số 20, 18, 16, 14 là bao nhiêu ?

16 tấm ván trừ 12 tấm ván còn bao nhiêu ?

17 cây tre trừ 9 cây tre còn bao nhiêu ?

14 thanh củi trừ 5 thanh củi còn bao nhiêu ?

Đếm tự 18 trở xuống cứ trừ đi 3 cho đến 0.

### Tính

Làm những tính trừ sau này :

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **14** | **15** | **17** | **16** | **19** | **16** | **17** | **18** | **15** | **19** |
| — | **2** | **5** | **4** | **5** | **8** | **12** | **14** | **5** | **11** | **14** |
| | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ | ___ |

thuongmaitruongxua.vn

# Bài ôn lại

*Tính cộng và tính trừ*

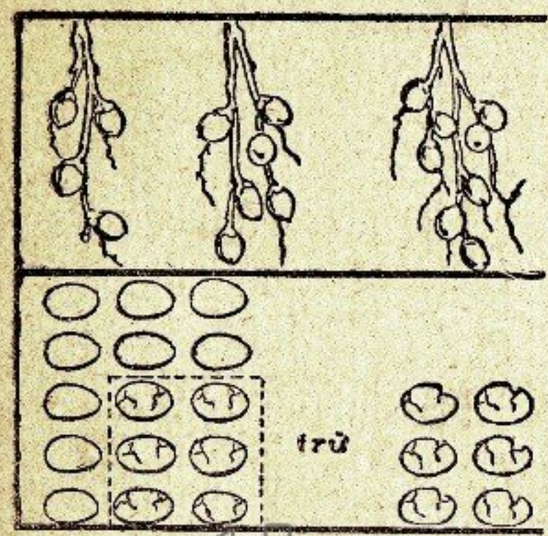


Đếm mỗi chẽ (nhánh, choẻn) cau có mấy quả, cả ba chẽ có bao nhiêu quả?

Người ta mua 15 cái trứng gà, đánh (1) vỡ mất 6 cái thì còn mấy cái?

thuongmaitruongxua.vn

## Tập tính miệng

Đếm từ 0 cứ thêm 2 cho đến 20, rồi từ 20 cứ bớt 2 cho đến 0.
Đếm từ 4 cứ thêm 4 cho đến 20, rồi từ 20 cứ bớt 4 cho đến 4.
Đếm từ 3 cứ thêm 3 cho đến 18, rồi từ 18 cứ bớt 3 cho đến 3.

## Tập vẽ

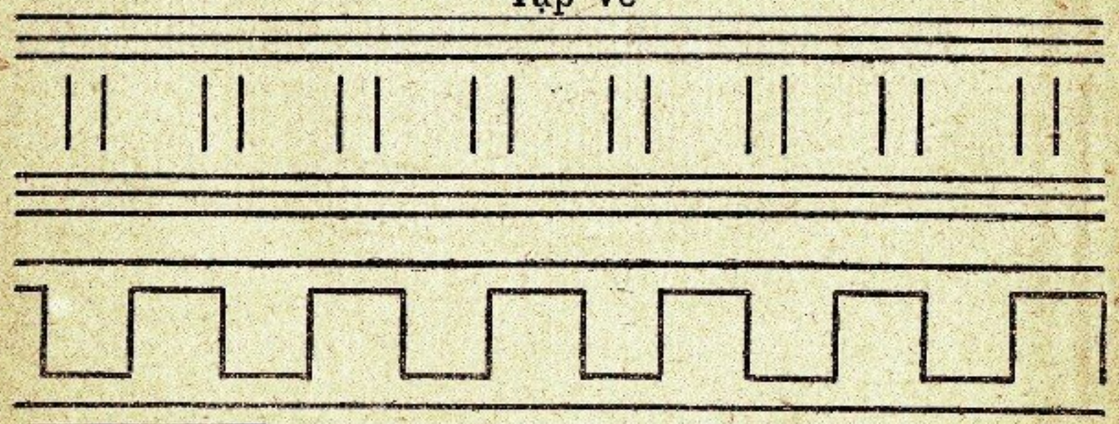

(1) làm bể



# Cái lít

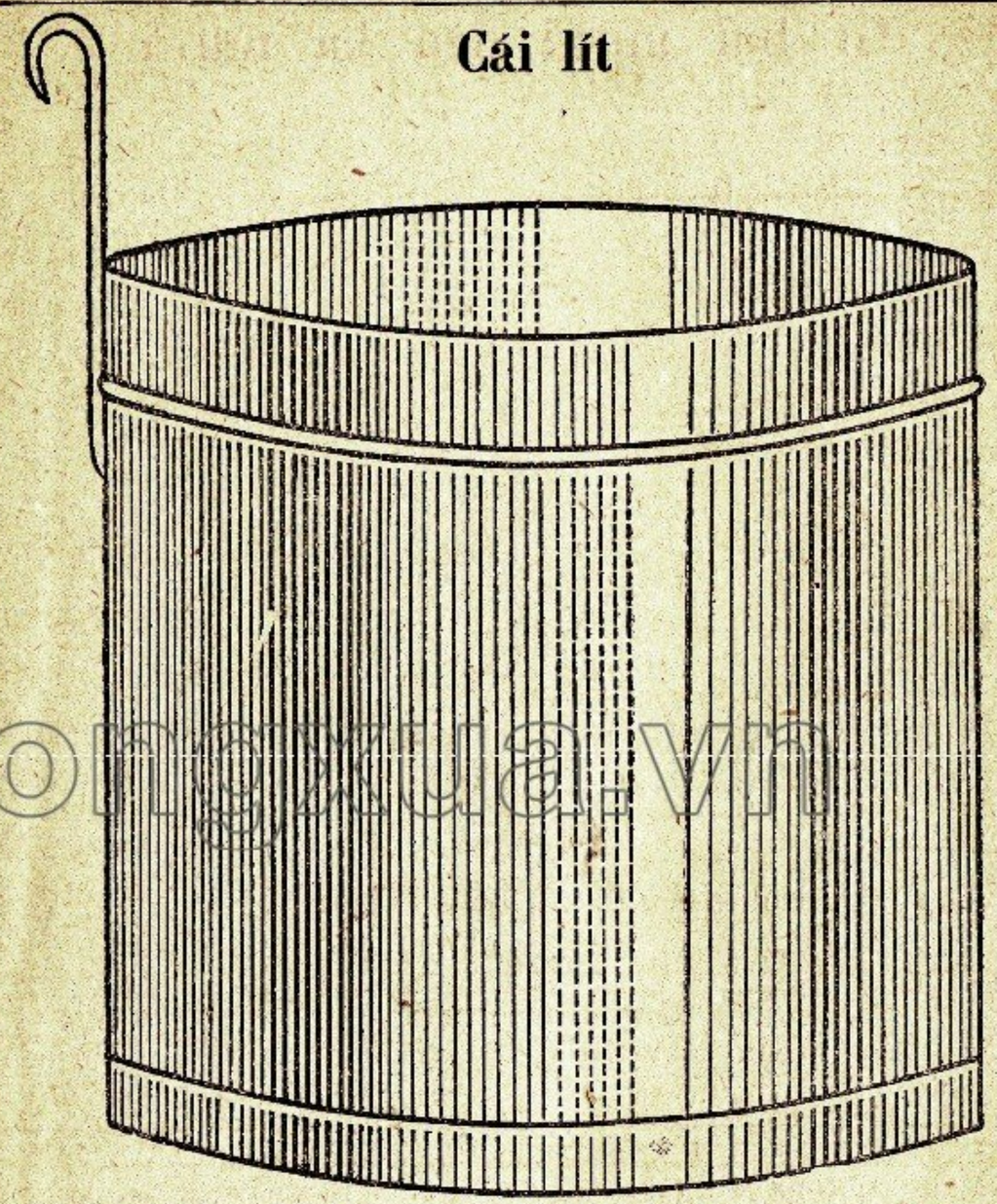

Cái lít (vẽ to bằng thật)

## Bài tập

*Cộng*

2 lít và 12 lít là bao nhiêu?
8 lít và 4 lít là bao nhiêu?
9 lít và 2 lít là bao nhiêu?
13 lít và 5 lít là bao nhiêu?
Một nửa 10lít, và 4lít là bao nhiêu?

*Trừ*

6 lít trừ 2 lít còn bao nhiêu?
15 lít trừ 2 lít còn bao nhiêu?
16 lít trừ 7 lít còn bao nhiêu?
15 lít trừ 6 lít còn bao nhiêu?
18lít trừ một nửa 10lít còn baonhiêu?

# Từ hai mươi đến ba mươi

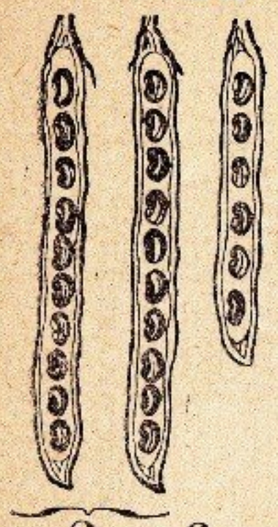

Hai chục và sáu hột đậu

2 6

Hai mươi sáu hột đậu

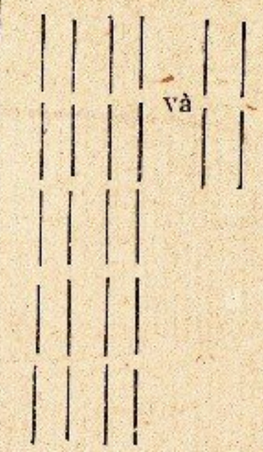

và

Hai chục và bốn cái que.

2 4

Hai mươi bốn cái que

**20** và **1** là hai mươi mốt **21**
**20** và **2** là hai mươi hai **22**
**20** và **3** là hai mươi ba **23**
**20** và **4** là hai mươi bốn **24**
**20** và **5** là hai mươi nhăm (lăm) **25**
**20** và **6** là hai mươi sáu **26**
**20** và **7** là hai mươi bảy **27**
**20** và **8** là hai mươi tám **28**
**20** và **9** là hai mươi chín **29**
**20** và **10** là ba mươi **30**

### Tập tính miệng

20 cửa sổ và 1 cửa sổ là bao nhiêu ?
22 cánh cửa và 5 cánh cửa là bao nhiêu ?
24 cửa kính (gương) (1) và 4 cửa kính là bao nhiêu?
26 cái khóa trừ 2 cái khóa còn bao nhiêu?
25 cái then (thoen) cửa trừ 3 cái then cửa còn bao nhiêu ?
29 cái bản-lề trừ 7 cái bản-lề còn bao nhiêu ?

### Tập tính viết

21 cái xe kéo và 9 cái xe kéo là bao nhiêu ?
24 cái xe đạp (2) và 3 cái xe đạp là bao nhiêu ?
25 cái xe bò và 5 cái xe bò là bao nhiêu ?
27 cái xe ngựa trừ 5 cái xe ngựa còn bao nhiêu ?
28 cái ô-tô (3) trừ 5 cái ô-tô còn bao nhiêu ?
26 cái máy bay trừ 4 cái máy bay còn bao nhiêu ?

(1) cửa kiếng — (2) xe máy — (3) xe hơi.



# Tính cộng — Có nhớ (giữ lại) (1)

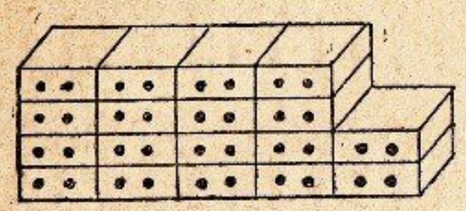

và

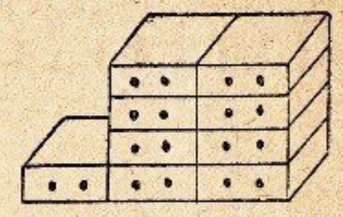

**18** viên gạch và **9** viên gạch là...

### Tập tính miệng

15 cái mũ (2) và 10 cái mũ là bao nhiêu ?
16 cái dù và 6 cái dù là bao nhiêu ?
14 đôi guốc và 6 đôi guốc là bao nhiêu ?
13 áo-tơi và 9 áo-tơi là bao nhiêu ?
Đếm từ 1 cứ thêm 3 cho đến 30.
20 cái cày và 7 cái cày là bao nhiêu?
20 cái bừa và 5 cái bừa là bao nhiêu?
23 cái cuốc và 5 cái cuốc là bao nhiêu?
12 cái mai và 8 cái mai là bao nhiêu ?
Gấp đôi số 4, 7, 9, 11, 13 là bao nhiêu ?

### Tập tính viết

Làm những tính cộng sau này :

*Không có nhớ* (không giữ lại)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 15 | 12 | 14 | 15 |
| + | 4 | 7 | 11 | 13 |

*Có nhớ* (có giữ lại)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 16 | 17 | 18 | 19 |
| + | 5 | 8 | 5 | 9 |

1. — Cha tôi hái lần đầu 9 quả (3) ổi, lần thứ hai 7 quả, lần thứ ba 8 quả. Vậy cha tôi hái bao nhiêu ổi cả thảy ?

2. — Một thửa (sở) ruộng gặt được 5 thúng thóc (lúa), một thửa nữa gặt được 15 thúng, thửa thứ ba gặt được 9 thúng. Vậy gặt cả là bao nhiêu thúng thóc (lúa) ?

(1) GIẢI NGHĨA — Tôi cộng 18 với 9. Tôi nói 8 và 9 là 17, tôi viết 7 và tôi nhớ (giữ) 1. — 1 và 1 là 2, tôi viết 2 + $\begin{array}{r} 18 \\ 9 \\ \hline 27 \end{array}$

(2) nón — (3) trái.

thuongmaitruongxua.vn

# Tính trừ — Có nhớ (có giữ lại) (1)

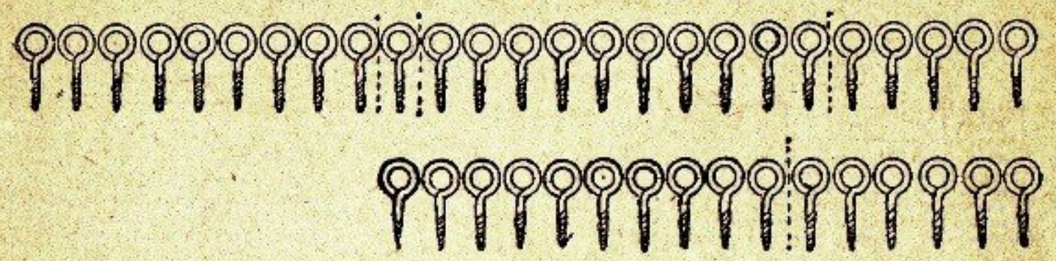

**25** cái đinh khuy trừ **16** cái đinh khuy còn...

## Tập tính miệng

28 cái cưa trừ 6 cái cưa còn bao nhiêu?
29 cái bào trừ 9 cái bào còn bao nhiêu?
27 cái búa trừ 5 cái búa còn bao nhiêu?
36 cái đục trừ 4 cái đục còn bao nhiêu?
28 cái rìu trừ 7 cái rìu còn bao nhiêu?
Một nửa số 24, 22, 18 là bao nhiêu?

26 con gà trống trừ 11 con gà trống còn bao nhiêu?
29 con gà mái trừ 12 con gà mái còn bao nhiêu?
23 con vịt trừ 4 con vịt còn bao nhiêu?
25 con ngỗng trừ 7 con ngỗng còn bao nhiêu?
21 con bồ-câu trừ 13 con bồ-câu còn bao nhiêu?
Đếm từng 3 một từ 21 xuống 3.

## Tập tính viết

Làm những tính trừ sau này:

*Không có nhớ* (không giữ lại)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 26 | 29 | 26 | 27 |
| — | 5 | 10 | 11 | 12 |

*Có nhớ* (có giữ lại)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 24 | 25 | 27 | 30 |
| — | 18 | 17 | 18 | 16 |

1. — Mẹ tôi đem ra chợ 25 con bồ-câu, bán được 17 con, còn bao nhiêu con?

2. — Nam mua 25 cái đĩa (2) đánh vỡ (3) mất 6 cái, còn bao nhiêu?

(1) LỜI DẶN. — *a*) Tôi làm cái tính trừ sau này: 25 — 16. Tôi nói 5 trừ 6 không được. Tôi phải nói 15 trừ 6 còn 9. Tôi viết 9, tôi nhớ (giữ) 1, 1 là *số nhớ*.

1 số nhớ với 1 là 2; 2 trừ 2 còn 0 } — 25 / 16 / 09

*b*) Khi con số ở dưới to (4) hơn con số ở trên, thì phải thêm mười vào con số trên và nhớ (giữ) 1. Số nhớ 1 ấy là hàng trên, thì lại phải đem về bên tay trái số dưới mà trừ với hàng trên.

(2) đĩa — (3) làm bể — (4) lớn.



# Bài ôn lại

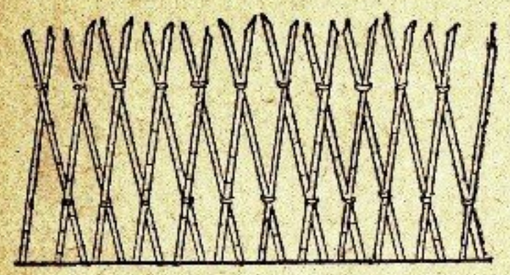

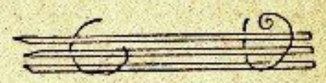

Có hai bó nứa, một bó **15** cây, một bó **13** cây. Người ta đã lấy **23** cây để làm hàng rào. Còn lại mấy cây?

## Bài tập và tính nhẩm

1. — Đọc những số sau này: 23, 27, 30, 28, 22, 25, 17, 21.

2. — Hai chục và 1 — một chục và 5. — một chục và 9. — hai chục và 7 là bao nhiêu?

3. — Đếm từ 0 cứ thêm 2 mà không được quá 20, rồi đếm trở xuống từ 20 cứ bớt 2 cho đến 0.

4. — Cứ thêm 4 mà đếm trở lên không được quá 30, rồi đếm trở xuống cứ bớt 4 từ 30 cho đến 10.

## Tập vẽ.

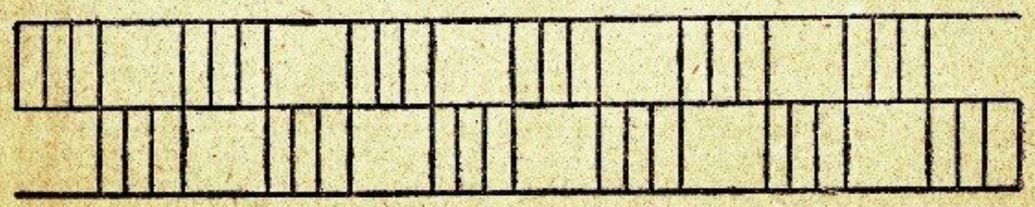

thuongmaitruongxua.vn

# Cân. Ki-lô-gam[1]

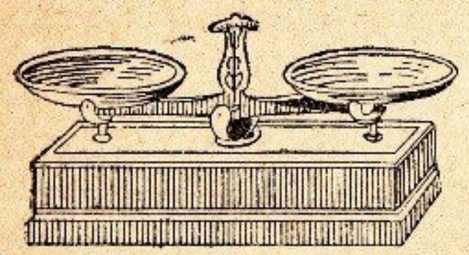

Cái cân

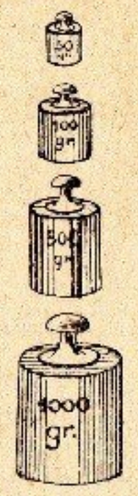

Quả (trái) cân bằng đồng

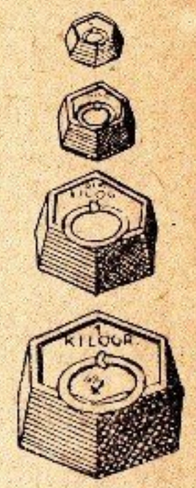

Quả cân bằng gang

## Tập tính miệng

16 ki-lô-gam và 5 ki-lô-gam là bao nhiêu ?

15 cái cân và 9 cái cân là bao nhiêu?

Một lít nước nặng một ki-lô-gam, vậy 24 lít nước nặng bao nhiêu?

Một rá gạo nặng 12 ki-lô-gam, một rá nữa nặng 15 ki-lô-gam, vậy cả hai rá nặng bao nhiêu ?

25 ki-lô-gam trừ 15 ki-lô-gam còn bao nhiêu ?

24 ki-lô-gam trừ 6 ki-lô-gam còn bao nhiêu ?

Tôi mua 1 ki-lô-gam khoai tây giá 8 xu. Tôi đưa cho nhà hàng 2 hào (giác) (2). Nhà hàng phải trả lại tôi bao nhiêu ?

## Tập vẽ

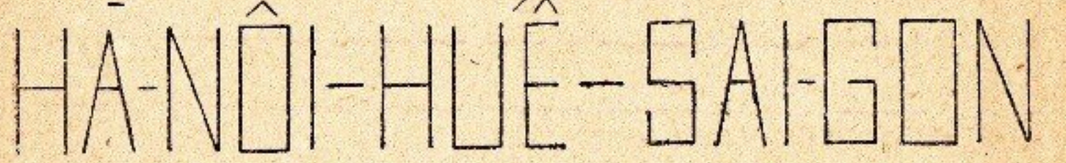


(1) do chữ pháp kilogramme tức là một cân tây. — (2) các.



# Từ ba mươi đến bốn mươi

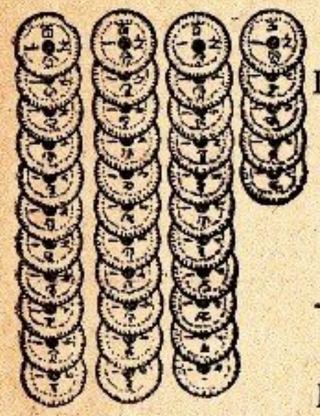

Ba chục xu và năm xu.

Ba mươi nhăm (lăm) xu.

3 5

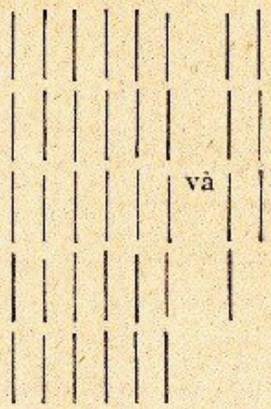


Ba chục cái que và bảy cái que.

Ba mươi bảy cái que.

3 7

thuongmaitruongxua.vn

30 và 1 là ba mươi mốt 31
30 và 2 là ba mươi hai 32
30 và 3 là ba mươi ba 33
30 và 4 là ba mươi tư 34
30 và 5 là ba mươi nhăm (lăm) 35
30 và 6 là ba mươi sáu 36
30 và 7 là ba mươi bảy 37
30 và 8 là ba mươi tám 38
30 và 9 là ba mươi chín 39
30 và 10 là bốn mươi 40

## Tập tính miệng

Đếm từ 40 trở xuống đến 20.

Đếm từ 10 cứ thêm 3 cho đến 30.

Trong số 35, 37 có mấy chục và mấy số một.

Ba chục và tám số một, — ba chục và bốn số một là bao nhiêu ?

Đọc những số sau này và đọc riêng hàng chục và hàng số một ra : Thí dụ 32, 3 chục, 2 số một ; 22, 11, 24, 13, 15, 25, 12, 14, 37, 39, 40.

# Tính cộng

**27** cái cốc (ly) và **9** cái cốc là...

## Tập tính miệng

30 quả (1) dưa chuột và 5 quả dưa-chuột la bao nhiêu ?

30 quả dưa-hấu và 9 quả dưa-hấu là bao nhiêu ?

24 quả dưa bở (mít) và 8 quả dưa-bở là bao nhiêu ?

25 quả dưa-gang và 14 quả dưa-gang là bao nhiêu ?

33 bông (chẹn) lúa và 5 bông lúa là bao nhiêu ?

29 bắp-ngô (trái bắp) và 9 bắp-ngô là bao nhiêu ?

25 bông-kê (2) và 13 bông-kê là bao nhiêu ?

32 bó-cỏ và 8 bó-cỏ là bao nhiêu ?

1. — Trong túi Ba có 17 hòn bi, trong tay phải (tay mặt) có 8 hòn, tay trái có 7 hòn. Vậy Ba có cả thảy bao nhiêu bi ?

2. — Đếm từ 10 trở lên, cứ thêm 4 mà không được quá 40.

3. — Gấp đôi số 11, 13, 15, 17 là bao nhiêu ?

## Tính

Làm những tính cộng sau này :

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| + | 30 | 30 | 31 | 36 | 34 | 34 | 39 | 38 |
| | 6 | 4 | 8 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 13 | 14 | 4 | 12 | 6 | 5 | 17 |
| + | 11 | 2 | 16 | 15 | 13 | 20 | 18 |
| | 12 | 7 | 14 | 8 | 19 | 8 | 5 |

(1) trái — (2) Nam-kỳ không có.



# Tính trừ

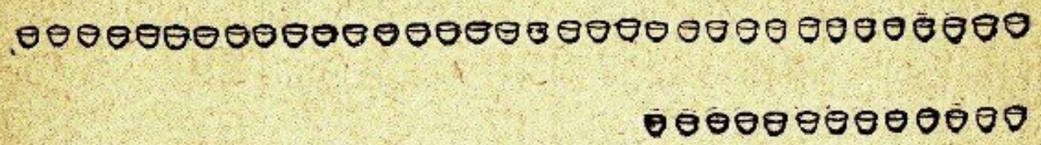

**34** cái chén trừ **13** cái chén còn...

## Tập tính miệng

39 cây chuối trừ 9 cây chuối còn bao nhiêu?

40 cây bưởi trừ 5 cây bưởi còn bao nhiêu ?

38 cây mít trừ 7 cây mít còn bao nhiêu ?

39 cây dừa trừ 12 cây dừa còn bao nhiêu ?

38 quản bút (cán viết) (1) trừ 16 quản bút còn bao nhiêu ?

33 thoi mực trừ 12 thoi mực còn bao nhiêu ?

39 cái nghiên trừ 22 cái nghiên còn bao nhiêu ?

40 tập giấy trừ 22 tập giấy còn bao nhiêu ?

1. — Tính từ 40 trở xuống, cứ bớt 2 cho đến 10.

2. — Tính từ 38 trở xuống, cứ bớt 3 cho đến 2.

3. — Một nửa số 10, 20, 28, 40 là bao nhiêu ?

4. — Một người phải đi 28 ki-lô-mét (2), đã đi được nửa đường rồi, thì còn phải đi bao nhiêu nữa ?

## Tính

Làm những tính trừ sau này :

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| — | 38 | 37 | 39 | 36 | 37 | 35 | 37 | 36 | 39 |
| | 8 | 5 | 10 | 15 | 12 | 13 | 14 | 6 | 17 |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| — | 30 | 40 | 35 | 34 | 33 | 32 | 31 | 37 | 36 |
| | 17 | 6 | 6 | 7 | 16 | 17 | 18 | 18 | 19 |

(1) Cây viết — (2) do chữ Pháp kilomètre tức là một nghìn thước tây. Nam-kỳ gọi là cây số.

thuongmaitruongxua.vn

## Bài ôn lại

| *Tính cộng* | *Tính cộng* | *Tính trừ* | *Tính trừ* |
|---|---|---|---|
| **20** và **2** là .... | **30** và **2** là .... | **39** trừ **2** còn ... | **29** trừ **2** còn ... |
| **22** và **2** là .... | **32** và **2** là .... | **37** trừ **2** còn ... | **27** trừ **2** còn ... |
| **24** và **2** là .... | **34** và **2** là .... | **35** trừ **2** còn ... | **25** trừ **2** còn ... |
| **26** và **2** là .... | **36** và **2** là .... | **33** trừ **2** còn ... | **23** trừ **2** còn ... |
| **28** và **2** là .... | **38** và **2** là .... | **31** trừ **2** còn ... | **21** trừ **2** còn ... |

### Tính nhẩm

1.— Một người thợ được lĩnh 40 xu, một người nữa lĩnh kém người trước 10 xu. Vậy người sau được bao nhiêu tiền ?

2.— Một người phải đi 32 ki-lô-mét (1). Người ấy đã đi được một quãng (chặng) 10 ki-lô-mét và một quãng (chặng) 10 ki-lô-mét; người ấy còn phải đi bao nhiêu ki-lô-mét nữa ?

thuongmaitruongxua.vn

### Bài tập

1.— Tính từ 20 cứ thêm 4 mà không được quá **40**.
2.— Tính từ 30 trở xuống cứ bớt 3 một.
3.— Gấp đôi số 12, 14, 16, 18, 20 là bao nhiêu ?
4.— Một nửa 12, 16, 20, 24, 40 là bao nhiêu ?

### Tập vẽ

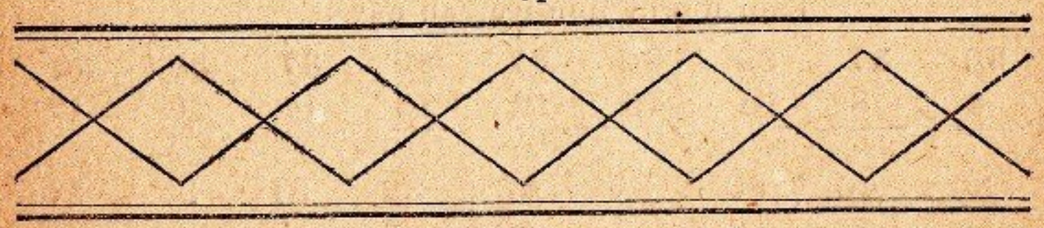

(1) cây số.



## Hào (giác) (1). — Xu

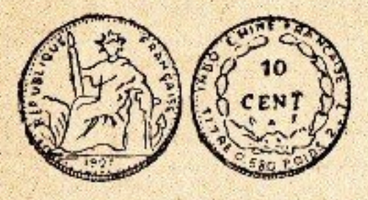


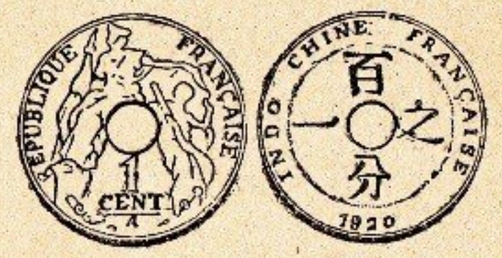


Một hào giá **10** xu

### Tập tính miệng

1 hào và 1 xu là bao nhiêu xu ?
2 hào và 3 xu là bao nhiêu xu ?
3 hào và 5 xu là bao nhiêu xu ?
3 hào và 3 xu là bao nhiêu xu ?
2 đồng 5 xu và 6 xu là bao nhiêu xu ?
1 hào và 1 đồng 5 xu là bao nhiêu xu ?

1. — Tôi mua hai quả giứa (thơm), mỗi quả 4 xu và 5 xu đường. Tôi phải trả bao nhiêu xu?

2. — Đếm từ 0 cứ thêm 2 cho đến 40, rồi đếm xuống từ 40 cứ bớt 2 cho đến 0.

3. — Đếm từ 5 cứ thêm 5 cho đến 40 xu, rồi đếm xuống từ 40 cứ bớt 5 cho đến 5 xu.

### Tập tính viết

1. — Một người kéo xe chạy 2 lượt, mỗi lượt được 6 xu, một lượt nữa được 5 xu và một lượt nữa được 3 xu. Người ấy được bao nhiêu xu cả thảy?

2. — Tôi mua một quyển (2) vở 6 xu, một cái bút-chì (3) 3 xu và bốn ngòi bút (4) 2 xu. Tôi đưa cho người hàng sách 2 hào (1). Người ấy trả lại tôi bao nhiêu ?

(1) cắc — (2) tập — (3) viết chì — (4) ngòi viết.

# Từ bốn mươi đến năm mươi

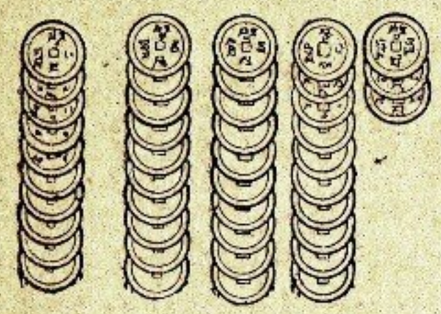

Bốn chục và ba đồng tiền

Bốn mươi ba đồng tiền

4 3

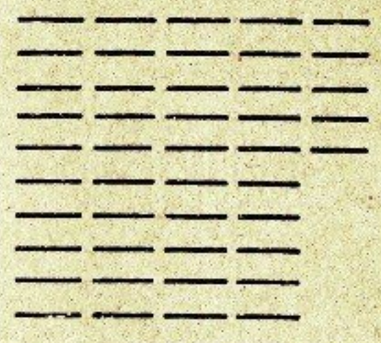

Bốn chục và năm cái que

Bốn mươi nhăm (lăm) cái que

4 5

**40** và **1** là bốn mươi một **41**
**40** và **2** là bốn mươi hai **42**
**40** và **3** là bốn mươi ba **43**
**40** và **4** là bốn mươi tư **44**
**40** và **5** là bốn mươi nhăm (lăm) **45**
**40** và **6** là bốn mươi sáu **46**
**40** và **7** là bốn mươi bảy **47**
**40** và **8** là bốn mươi tám **48**
**40** và **9** là bốn mươi chín **49**
**40** và **10** là năm mươi **50**

thuongmaitruongxua.vn

## Tập tính miệng

Đếm trở xuống từ 30. Đếm từ 30 cứ thêm 2 cho đến 50.
Gấp đôi số 20, 21, 24, 25 là bao nhiêu ?
Một nửa 40, 28, 24 là bao nhiêu ?

## Tập tính viết

1. — Mỗi ngày Nam làm được 15 xu, anh nó làm được 25 xu. Vậy mỗi ngày cả hai anh em nó làm được bao nhiêu ?

2. — Bắc phải viết 50 dòng (hàng) ; buổi sáng nó đã viết được 20 dòng, buổi trưa viết được 15 dòng, còn phải viết bao nhiêu dòng nữa ?



## Tính cộng (cọng)

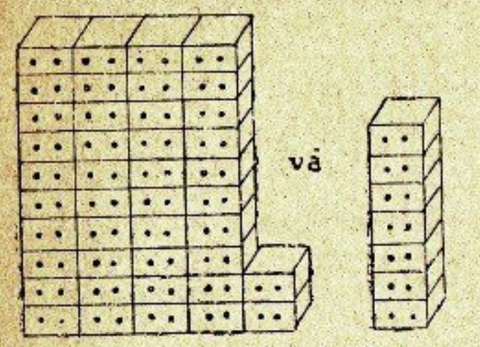


**42** viên gạch và **7** viên gạch là...

## Tính trừ

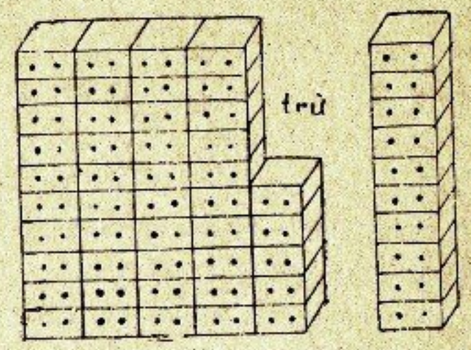


**45** viên gạch trừ **10** viên gạch còn...

## Tập tính miệng

*Cộng* (cọng)

25 lít nước và 15 lít nước nặng là bao nhiêu ?
10 thước vải và 35 thước vải là bao nhiêu ?
40 đồng tiền và 5 đồng tiền là bao nhiêu ?
Gấp đôi số 24 là bao nhiêu ?

*Trừ*

35 mẫu ruộng trừ 12 mẫu còn bao nhiêu ?
47 thúng thóc (lúa) trừ 22 thúng thóc còn bao nhiêu ?
50 bó mạ (mói má) trừ 25 bó mạ còn bao nhiêu ?
Một nửa 42 là bao nhiêu ?

1. — Qui có 47 xu, tiêu mất 12 xu, còn bao nhiêu ?

2. — Một cậu học-trò mua một quyển (1) sách 25 xu, một quyển (2) vở 15 xu, và một cái bút-chì (3) 3 xu, cậu ấy phải trả nhà hàng (4) bao nhiêu ?

## Tập tính viết

Làm những tính sau này :

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 28 | 27 | 36 | 35 | 29 |
| + | 9 | 6 | 7 | 6 | 6 |
| | 7 | 9 | 3 | 9 | 7 |

*Tính trừ*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 49 | 48 | 45 | 50 | 50 |
| — | 14 | 15 | 7 | 8 | 16 |

(1) cuốn — (2) cập — (3) viết chì — (4) tiệm

## Bài ôn lại

| *Cộng* (cọng) | | | | *Trừ* | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 40 | và | 2 | là .... | 49 | trừ | 2 | còn .... |
| 42 | và | 2 | là .... | 47 | trừ | 2 | còn .... |
| 44 | và | 2 | là .... | 45 | trừ | 2 | còn .... |
| 46 | và | 2 | là .... | 43 | trừ | 2 | còn .... |
| 48 | và | 2 | là .... | 41 | trừ | 2 | còn .... |

### Tập tính miệng

Đếm từ 30 cứ thêm 3 không được lên quá 50.

Đếm từ 35 trở xuống, cứ bớt 4, không được quá 20

Gấp đôi số 21, 23, 25, là bao nhiêu ?

Một nửa 50, 48, 46, 42 là bao nhiêu ?

thuongmaitruongxua.vn

### Tập vẽ

PNOM-PENH — VIEN-TIANE

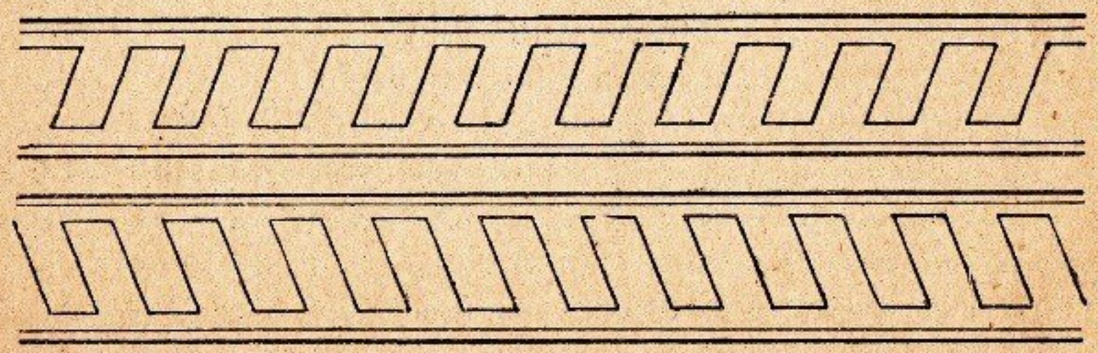



## Đồng bạc

Một đồng bạc giá **10** hào (giác) (1)

### Tập tính miệng

1. — Một người thợ mỗi ngày làm được 50 xu, tiêu mất 35 xu, còn mấy xu?

2. — Tuần-lễ đầu một người để dành được 5 xu, tuần-lễ thứ hai được 15 xu, tuần-lễ thứ ba 10 xu, tuần-lễ thứ tư 20. Vậy trong bốn tuần-lễ người ấy để dành được bao nhiêu ?

3. — Một người mua 35 con gà mái và 20 con gà trống, người ấy bán 25 con gà mái, 10 con gà trống. Vậy còn bao nhiêu gà mái? gà trống?

### Tập tính viết

Làm những tính sau này:

*Tính cộng*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 39 | 37 | 38 | 36 | 33 |
| + | 9 | 7 | 5 | 7 | 9 |
| | 2 | 3 | 7 | 3 | 8 |

*Tính trừ*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 49 | 48 | 26 | 47 | 50 |
| — | 9 | 16 | 23 | 18 | 29 |

(1) các

# Từ năm mươi đến sáu mươi

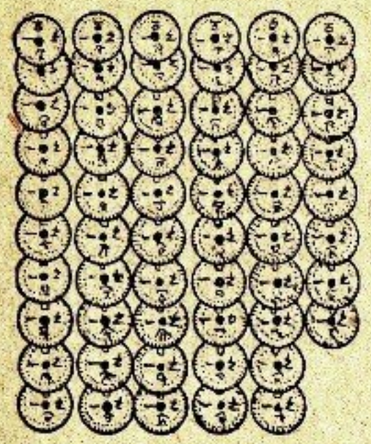

Năm chục xu và tám xu.

Năm mươi tám xu.

5 8

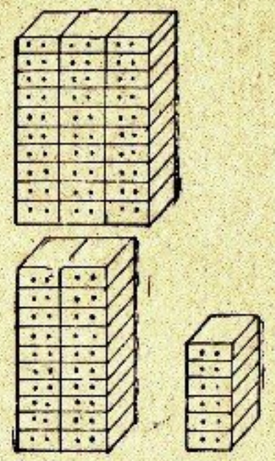

Năm chục viên gạch và sáu viên gạch.

Năm mươi sáu viên gạch.

5 6

thuongmaitruongxua.vn

| | | | |
|---|---|---|---|
| 50 và 1 năm mươi một | 51 | 50 và 6 năm mươi sáu | 56 |
| 50 và 2 năm mươi hai | 52 | 50 và 7 năm mươi bảy | 57 |
| 50 và 3 năm mươi ba | 53 | 50 và 8 năm mươi tám | 58 |
| 50 và 4 năm mươi tư | 54 | 50 và 9 năm mươi chín | 59 |
| 50 và 5 năm mươi nhăm | 55 | 50 và 10 sáu mươi | 60 |

### Tập tính miệng

Đếm từ 20 cứ thêm 2, rồi lại đếm từ 20 cứ thêm 3 cho đến 60
Đếm từ 40 cứ thêm 3 cho đến 60.
Đếm từ 5 phút cứ thêm 5 phút cho đến 60 phút.
Đọc: 57 = năm mươi bảy, năm chục và 7 số-một.
Lại đọc những số này: 49, — 51, — 41, — 46, — 43, — 59.
Đọc những số lẻ từ 1 đến 59.
Đọc những số chẵn từ 2 đến 60.



## Tính cộng (cọng)

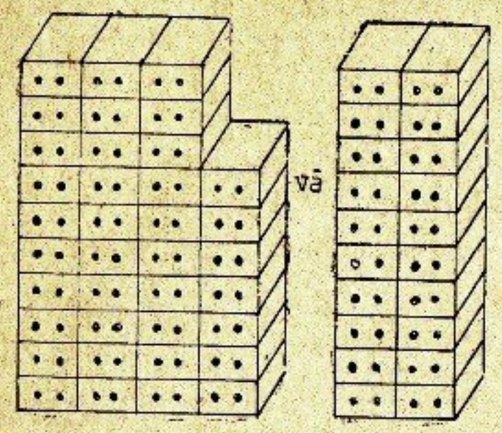


**37** viên gạch và **20** viên gạch là.....

## Tính trừ

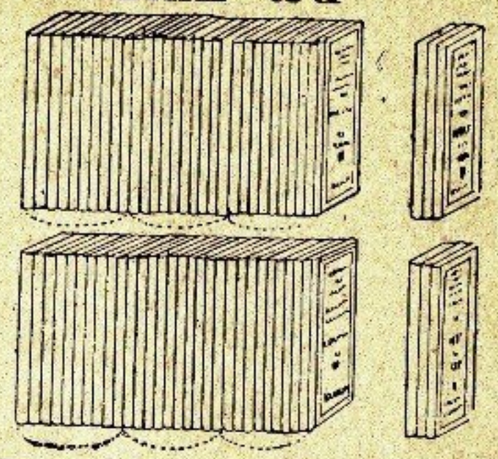

**60** quyển (1) sách trừ **6** quyển sách còn....

### Tập tính miệng

40 cái vòng và 4 cái vòng là bao nhiêu?
45 con quay (vụ) và 5 con quay là bao nhiêu?
58 hòn bi và 8 hòn bi là bao nhiêu?
25 quả bóng (trái ban) (2) và 27 quả bóng là bao nhiêu?
Gấp đôi số 30 là bao nhiêu?
Đếm từ 20 cứ thêm 5 không được quá 60?

25 cái bánh trừ 12 cái bánh còn bao nhiêu?
46 cái kẹo trừ 11 cái kẹo còn bao nhiêu?
60 cái bánh ngọt trừ 30 cái bánh ngọt còn bao nhiêu?
59 miếng đường trừ 18 miếng đường còn bao nhiêu?
Một nửa 48 là bao nhiêu?
Đếm từ 50 trở xuống cứ bớt 5 một.

### Tính nhẩm

1. — Cha anh Tý cho anh Tý 25 xu, mẹ cho 10 xu, chú cho 5 xu. Vậy Tý được cả thảy mấy xu?
2. — Mẹ tôi bán một con gà 45 xu, 4 cái trứng 7 xu. Vậy bán được bao nhiêu tiền?

### Tính

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 18 | 15 | 35 | 6 |
| + | 17 | 20 | 7 | 23 |
| | 12 | 9 | 18 | 27 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 56 | 49 | 52 | 56 |
| — | 21 | 17 | 28 | 49 |

(1) cuốn — (2) trái banh.

## Tập tính miệng hay tính viết

1. — Đọc những số sau này từ bên tay trái sang bên tay phải (mặt), rồi đọc từ bên tay phải sang bên tay trái : 12, 15, 17, 25, 36, 48, 56.

2. — Viết những số này ra chữ : 58, 54, 43, 39, 25.

3. — Gấp đôi 24, 25, 27, 30 là bao nhiêu ?
Một nửa : 60, 58, 52, 48 là bao nhiêu ?

## Tính đố

1. — Giáp có 12 xu, Ất có 18 xu, Bính có 22 xu. Ba người có cả thảy bao nhiêu xu ?

2. — Trong một nhà, mỗi tháng thuê nhà mất 15 đồng bạc, đong gạo mất 18 đồng, tiêu vặt mất 24 đồng. Vậy mỗi tháng tiêu tất cả là bao nhiêu ?

thuongmaitruongxua.vn

## Tính

Làm những tính sau này :

*Tính cộng* (cọng)

| | | | |
|---|---|---|---|
| 12 | 18 | 45 | 22 |
| + 13 | 24 | 10 | 16 |
| 25 | 15 | 05 | 18 |

*Tính trừ*

| | | | |
|---|---|---|---|
| 48 | 56 | 36 | 44 |
| — 13 | 12 | 17 | 38 |

## Tập vẽ

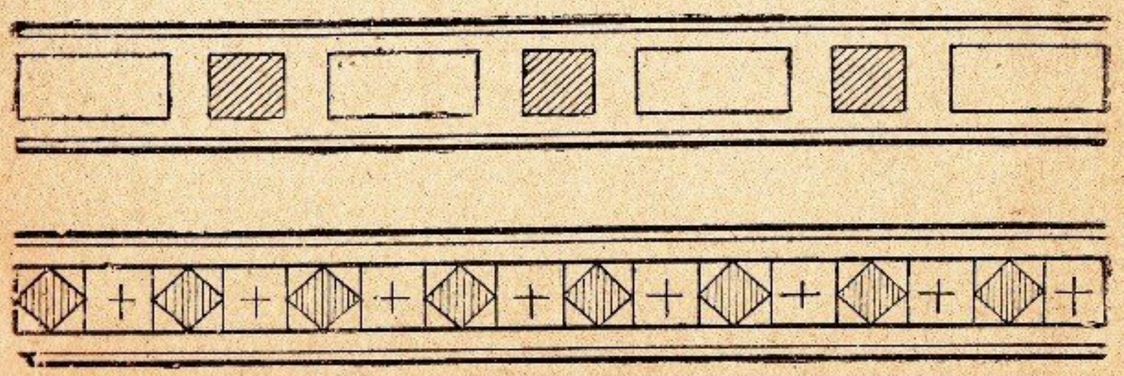



## Từ sáu mươi đến bảy mươi

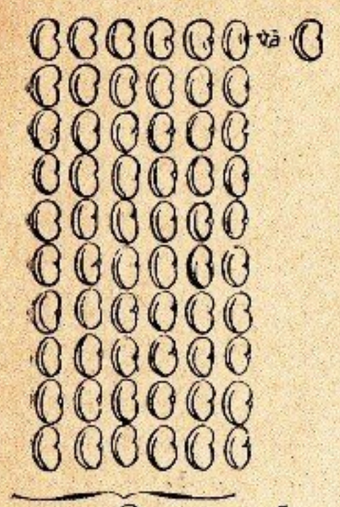


Sáu chục hột đậu và một hột đậu

6 1 — Sáu mươi mốt hột đậu.

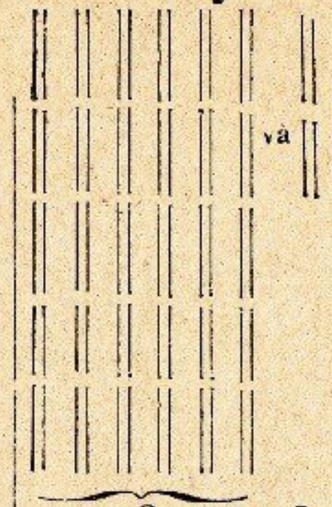


Sáu chục cái que và bốn cái que.

6 4 — Sáu mươi tư cái que.

**60** và **1** là sáu mươi mốt **61**
**60** và **2** là sáu mươi hai **62**
**60** và **3** là sáu mươi ba **63**
**60** và **4** là sáu mươi tư **64**
**60** và **5** là sáu mươi nhăm (lăm) **65**
**60** và **6** là sáu mươi sáu **66**
**60** và **7** là sáu mươi bảy **67**
**60** và **8** là sáu mươi tám **68**
**60** và **9** là sáu mươi chín **69**
**60** và **10** là bảy mươi **70**

## Tập tính miệng

1. — Phải bao nhiêu số một mới thành bảy chục ?

2. — Trong bảy mươi số-một có bao nhiêu chục ?

3. — Đếm từ 50 đến 70, rồi lại đếm trở xuống từ 70 đến 50.

4. — Đếm từ 10 cứ thêm 10 cho đến 70, rồi lại đếm trở xuống cứ bớt 10 cho đến 10.

## Tập tính viết

1. — Viết những số này ra chữ số : ba-mươi, bốn-mươi, năm-mươi, sáu-mươi, bảy-mươi.

2. — Viết : 1° — Những số chẵn từ 40 đến 70 ;
2° — Những số lẻ từ 35 đến 65.

## Cộng (cọng)

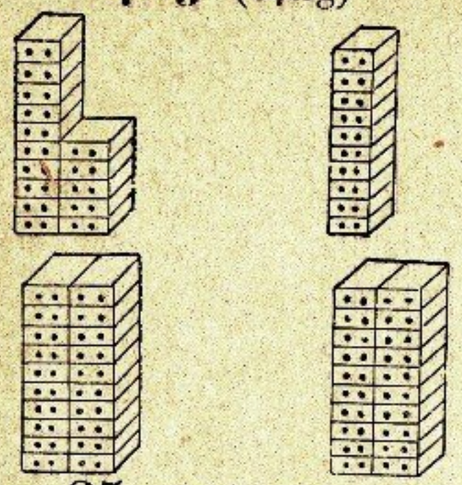

**35** viên gạch
và **30** viên gạch là....

## Trừ

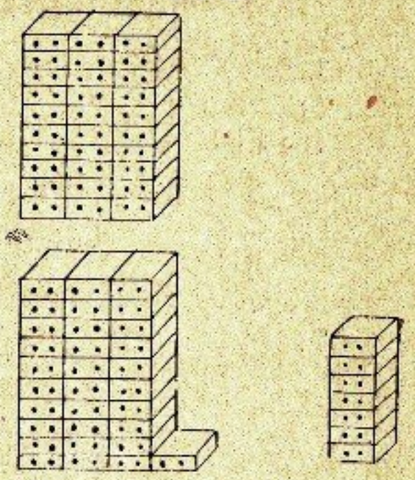

**61** viên gạch
trừ **7** viên gạch còn....

### Tập tính viết

6 tấm vải và 9 tấm vải là bao nhiêu ?
50 tấm lụa và 16 tấm lụa là bao nhiêu ?
65 cái nệm và 5 cái nệm là bao nhiêu ?
45 cái chăn (mền) và 17 cái chăn là bao nhiêu ?
Gấp đôi 30, 31, 33, 35 là bao nhiêu?

47 cái chai (1) trừ 7 cái chai còn bao nhiêu ?
63 cái lọ (ve) (2) trừ 12 cái lọ còn bao nhiêu ?
40 cái hộp trừ 25 cái hộp còn bao nhiêu ?
53 cái tráp (trắp) trừ 17 cái tráp còn bao nhiêu ?
Một nửa 70, 68, 64, 62 là bao nhiêu?

### Tính nhẩm

1. — Trong hai lần 10 quả (trái) vải, — trong hai lần 20 quả vải có bao nhiêu quả vải?

2. — Một người nợ 60 đồng bạc, trả được 35 đồng rồi, còn nợ bao nhiêu nữa?

### Tính đố

1. — Thầy tôi mua một cái tủ 62 đồng bạc, bán được lãi 8 đồng. Vậy giá bán cái tủ là bao nhiêu?

2. — Một người mua một đôi giầy 3 đồng bạc, một cái khăn 2 đồng bạc, một cái dây lưng 1 đồng bạc. Người ấy đưa cho nhà hàng một cái giấy bạc 20 đồng. Vậy nhà hàng phải trả lại người ấy bao nhiêu tiền?

(1) ve. — (2) bình.



# Bài ôn lại

## Tập tính miệng

Tôi đếm :

1. — Từ 40 cứ thêm 2 cho đến 70, rồi đếm từ 70 cứ bớt 2 cho đến 40.
2. — Từ 45 cứ thêm 4 cho đến 69, rồi đếm từ 69 cứ bớt 3 cho đến 45.
3. — Từ 16 cứ thêm 4 cho đến 60, rồi đếm từ 60 cứ bớt 4 cho đến 16.
4. — Từ 30 cứ thêm 5 cho đến 65, rồi đếm từ 65 cứ bớt 5 cho đến 30.

## Tập tính viết

Làm những tính sau này :

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 32 | 35 | 46 | 18 |
| + | 37 | 31 | 17 | 35 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 68 | 49 | 52 | 64 |
| — | 47 | 36 | 28 | 46 |

## Tập vẽ

XIN AI ĐỪNG CHỐNG CHỚ CHẦY
CỎ CÔNG MÀI SẮT CÓ NGÀY NÊN KIM

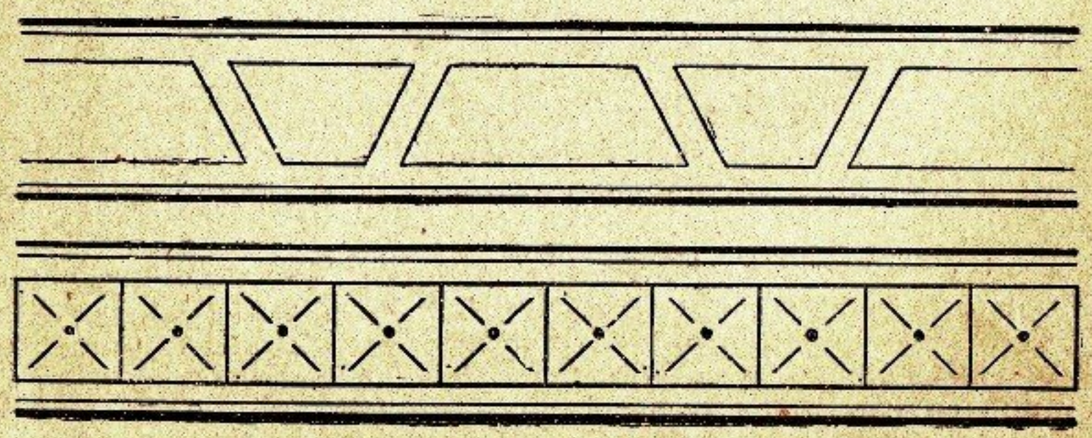

thuongmaitruongxua.vn

# Từ bảy-mươi đến tám-mươi

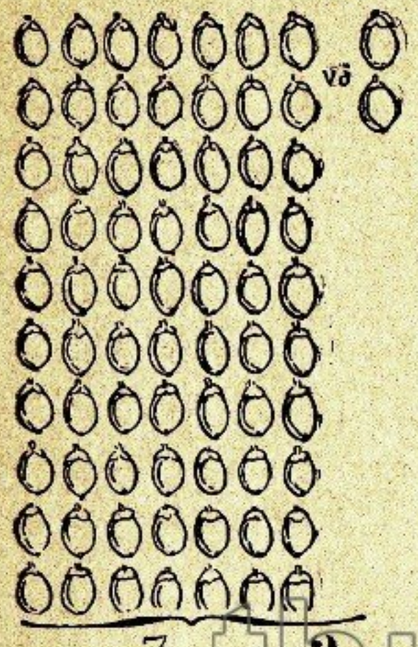


Bảy chục quả cau và hai quả cau

Bảy mươi hai

7 2 quả cau.

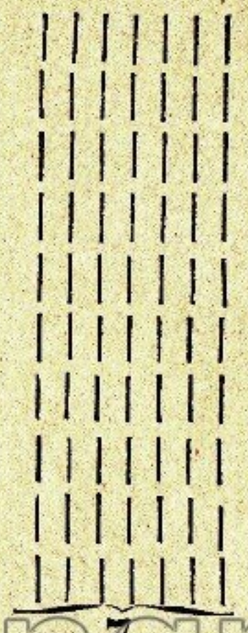


Bảy chục cái que và năm cái que

Bảy mươi nhăm

7 5 cái que.

**70** và **1** là bảy mươi mốt **71**
**70** và **2** là bảy mươi hai **72**
**70** và **3** là bảy mươi ba **73**
**70** và **4** là bảy mươi tư **74**
**70** và **5** là bảy mươi nhăm (lăm) **75**
**70** và **6** là bảy mươi sáu **76**
**70** và **7** là bảy mươi bảy **77**
**70** và **8** là bảy mươi tám **78**
**70** và **9** là bảy mươi chín **79**
**70** và **10** là tám mươi **80**

### Tính miệng và tính nhẩm

1. — Đếm từ 60 đến 80, — rồi từ 80 đến 60
2. — Đọc những số sau này : 73 ; 70 ; 64 ; 74 ; 68 ; 78 ; 80 ; 75 ; 76 ; 72 ; 77.
3. — Viết những số này ra chữ số : bảy - mươi - chín, — bảy-mươi-ba, — bảy-mươi-sáu, — tám mươi, — bảy-mươi.
4. — Anh có 68 xu, anh đã tiêu mất một nửa, còn bao nhiêu ?
5. — Mẹ anh cho anh 20 xu, cha anh cho anh gấp hai số ấy. Vậy anh có bao nhiêu xu ?



## Tính cộng (cọng)

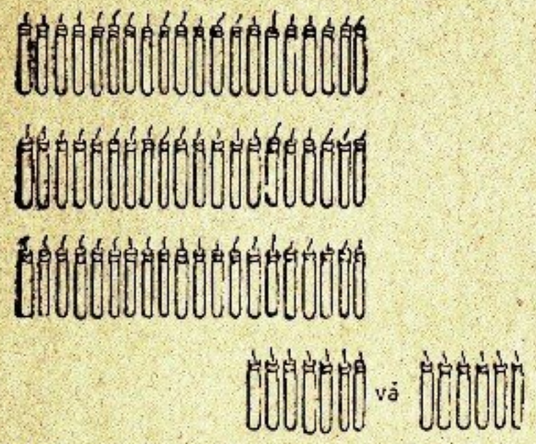


**67** cái pháo và **6** cái pháo là...

## Tính trừ

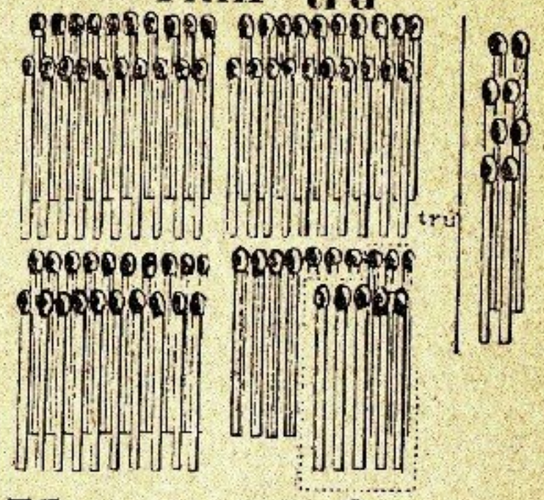


**75** cái diêm (1) trừ **8** cái còn...

### Tập tính miệng

60 giây và 15 giây là bao nhiêu ?
50 phút và 20 phút là bao nhiêu ?
50 ngày và 22 ngày là bao nhiêu ?
30 tháng và 50 tháng là bao nhiêu ?
45 năm và 30 năm là bao nhiêu ?

60 thanh củi trừ 30 thanh củi còn bao nhiêu ?
75 cái đóm trừ 52 cái đóm còn bao nhiêu ?
59 bó đuốc trừ 45 bó đuốc còn bao nhiêu ?
63 cái đèn trừ 56 cái đèn còn bao nhiêu ?
74 cây nến (2) trừ 65 cây nến còn bao nhiêu ?

1. — Đếm từ 30 cứ thêm 3 không được quá 70.
2. — Đếm từ 20 cứ thêm 4 không được quá 60.
3. — Đếm từ 29 cứ thêm 4 không được quá 59, rồi đếm từ 59 cứ bớt 5 không xuống quá 29.
4. — Gấp đôi 20, 25, 30, 35, 40 là bao nhiêu ?
5. — Một nửa 12, 16, 24, 36, 48, 60, 70, 80 là bao nhiêu ?

### Tính

Làm những tính sau này :

*Tính cộng*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 60 | 50 | 12 | 43 |
| + | 5 | 7 | 38 | 17 |
| | 4 | 27 | 27 | 15 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 78 | 79 | 76 | 73 |
| — | 67 | 58 | 49 | 26 |

(1) cây diêm quẹt — (2) đèn cây.

thuongmaitruongxua.vn

# Bài ôn lại

## Tập tính miệng

1. — Đếm từ 29 cứ thêm 4 không được quá 70.
2. — Đếm từ 45 cứ thêm 3 không được quá 80.
3. — Đếm từ 80 đến 40 cứ bớt 5.

## Tập tính viết

Làm những tính cộng sau này:

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 12 | 14 | 24 | 35 | 28 | 42 | 16 |
| + | 21 | 20 | 12 | 40 | 45 | 20 | 37 |
| | 33 | 15 | 31 | 4 | 7 | 18 | 25 |

Làm những tính trừ sau này:

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 67 | 79 | 57 | 77 | 80 | 62 | 74 |
| — | 53 | 68 | 45 | 59 | 42 | 48 | 67 |

thuongmaitruongxua.vn

## Tập vẽ

ĂN QUẢ NHỚ KẺ TRỒNG CÂY
ĂN CÂY NÀO RÀO CÂY ẤY



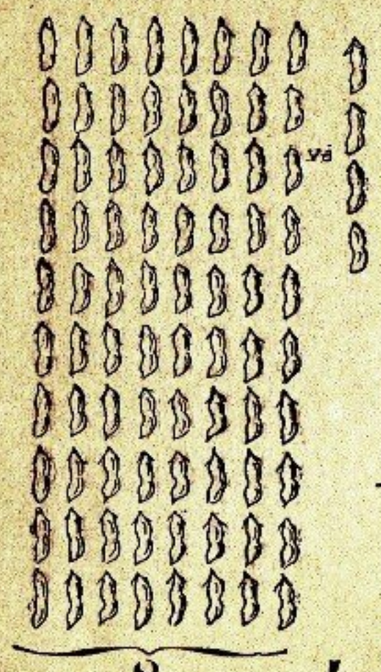


Tám chục quả đậu và bốn quả đậu

8 4 tư quả đậu

Tám mươi

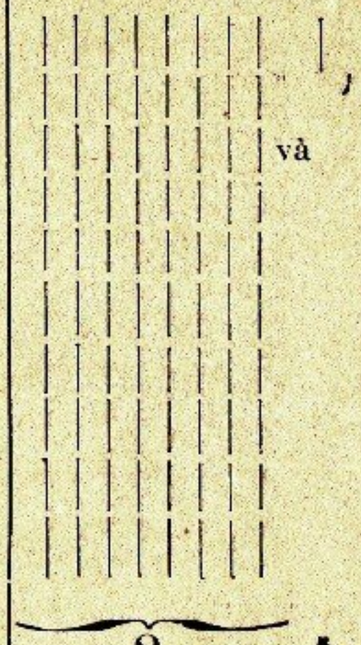


Tám chục cái que và một cái que

8 1 mốt cái que

Tám mươi

| | |
|---|---|
| 80 và 1 là tám mươi mốt 81 | 80 và 6 là tám mươi sáu 86 |
| 80 và 2 là tám mươi hai 82 | 80 và 7 là tám mươi bảy 87 |
| 80 và 3 là tám mươi ba 83 | 80 và 8 là tám mươi tám 88 |
| 80 và 4 là tám mươi tư 84 | 80 và 9 là tám mươi chín 89 |
| 80 và 5 là tám mươi nhăm (lăm) 85 | 80 và 10 là chín mươi 90 |

## Tập tính miệng

Đếm từ 50 cứ thêm 4 không được quá 90.
Đếm từ 40 cứ thêm 5 không được quá 80.

1. — Trong một trường học, ở lớp Đồng-ấu có 48 tên học-trò, lớp Dự bị có 39 tên. Vậy trường ấy có bao nhiêu học trò?

2. — Một người có 10 cái giấy bạc một đồng, 2 cái giấy bạc 5 đồng, và 2 cái giấy 20 đồng. Người ấy có bao nhiêu tiền?

## Cộng (cọng)

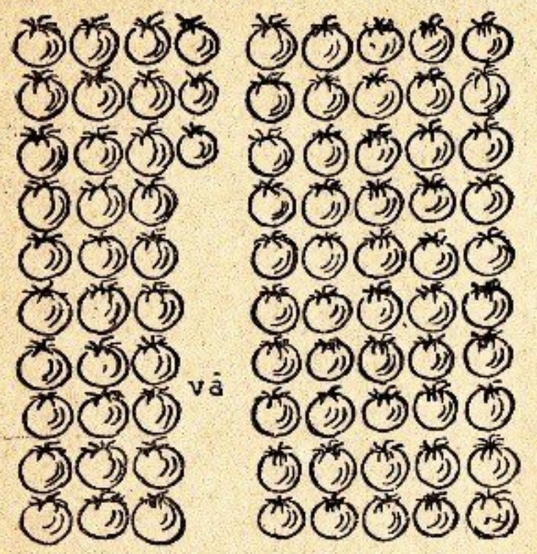


**33** quả (trái) cà-chua
và **50** quả cà-chua là...

## Trừ

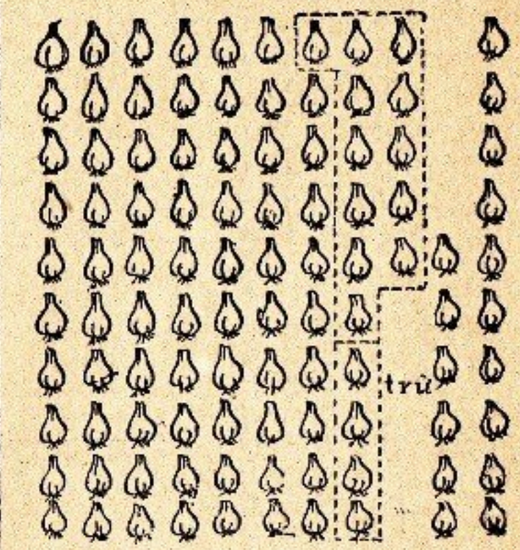


**85** củ hành
trừ **16** củ hành còn...

thuongmaitruongxua.vn

### Tập tính miệng

70 con chim và 13 con chim là bao nhiêu ?

50 con cá và 36 con cá là bao nhiêu ?

75 con cua và 15 con cua là bao nhiêu ?

63 con tôm và 17 con tôm là bao nhiêu ?

Gấp đôi 43 là bao nhiêu ?

79 con dê trừ 30 con dê còn bao nhiêu ?

69 con cừu (1) trừ 8 con cừu còn bao nhiêu ?

80 con hươu trừ 12 con hươu còn bao nhiêu ?

67 con ngựa trừ 8 con ngựa còn bao nhiêu ?

Một nửa 84 là bao nhiêu ?

### Tập tính viết

Làm những tính sau này :

*Tính cộng*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 73 | 57 | 25 | 16 | 12 |
| + | 15 | 24 | 38 | 32 | 18 |
| | | | 22 | 27 | 56 |

*Tính trừ*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 87 | 86 | 73 | 52 | 90 |
| — | 12 | 45 | 24 | 18 | 37 |

(1) trừu.



# Bài ôn lại

### Tập tính miệng

1.— Một người học-trò có 36 hòn bi, đánh được 20 hòn, sau lại thua mất 30 hòn, thì còn bao nhiêu hòn ?

2. — Một quyển (1) vở có 32 trang, đem đóng với một quyển nữa thành được một quyển 86 trang. Vậy quyển vở thứ hai có mấy trang ?

### Tập tính viết

1.— Viết những số này ra chữ : 27, 49, 58, 67, 76, 80.

2.— Viết những số chẵn từ 64 đến 78, rồi viết những số lẻ từ 61 đến 79.

Làm những tính sau này :

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 32 | 14 | 15 | 27 | 18 | 27 | 23 | 45 |
| + | 21 | 40 | 31 | 41 | 39 | 19 | 18 | 12 |
| | 35 | 25 | 43 | 20 | 25 | 42 | 45 | 29 |

*Tính trừ*

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 66 | 84 | 75 | 89 | 85 | 37 | 80 | 90 |
| — | 41 | 73 | 54 | 71 | 18 | 59 | 63 | 81 |

### Tập vẽ

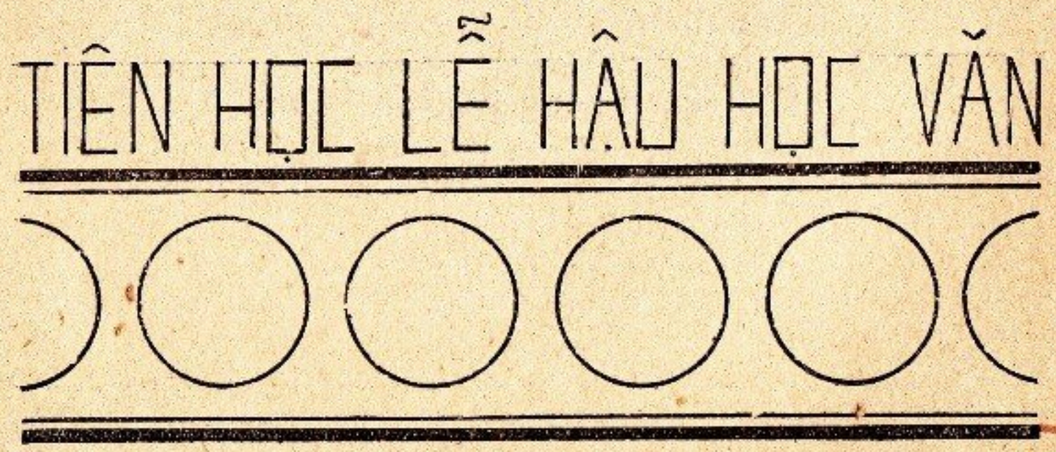


(1) Tập.

# Từ một trăm trở xuống

Chín chục cái hoa (1) và hai cái hoa.

Chín mươi hai cái hoa

**9** **2**

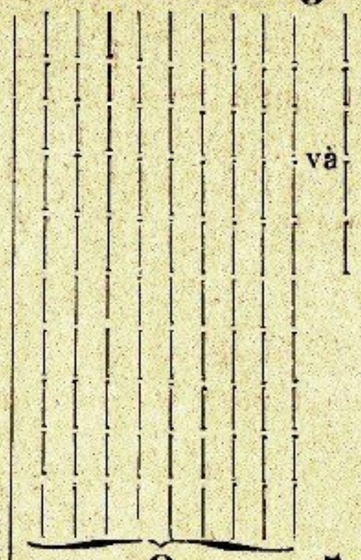

Chín chục cái que và năm cái que.

Chín mươi nhăm (lăm) cái que

**9** **5**

**90** và **1** là chín mươi mốt **91**
**90** và **2** là chín mươi hai **92**
**90** và **3** là chín mươi ba **93**
**90** và **4** là chín mươi tư **94**
**90** và **5** là chín mươi nhăm (lăm) **95**
**90** và **6** là chín mươi sáu **96**
**90** và **7** là chín mươi bảy **97**
**90** và **8** là chín mươi tám **98**
**90** và **9** là chín mươi chín **99**
**90** và **10** là một trăm **100**

thuongmaitruongxua.vn

### Tập tính miệng và tính nhẩm

1.— Trong 3 chục, — 5 chục, — 7 chục, — 10 chục, có bao nhiêu số-một?

2.— Đếm từ 50 cứ thêm 5 không được quá 100.

3.— Trong một cái rổ có 50 quả (2) quít, trong một cái rổ nữa có gấp hai lần quít cái rổ trước. Vậy trong cái rổ thứ hai có bao nhiêu quít?

4.— Tôi cần phải có 50 xu. Tôi mới có 28 xu, thì còn thiếu bao nhiêu nữa?

5.— Một người gặt được 95 thúng thóc (lúa), đã bán được một ít và còn lại 53 thúng. Vậy người ấy đã bán được bao nhiêu thúng thóc?

(1) bông. — (2) trái.



## Tính cộng (cọng)

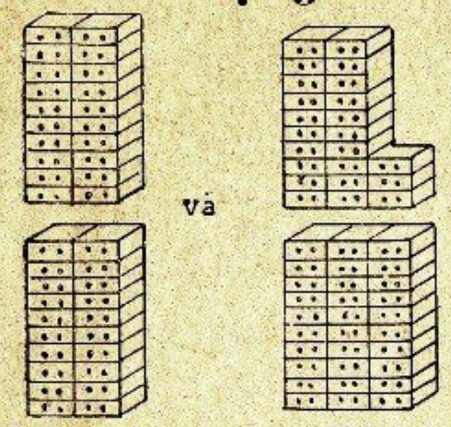

**40** viên gạch và **53** viên gạch là...

## Tính trừ

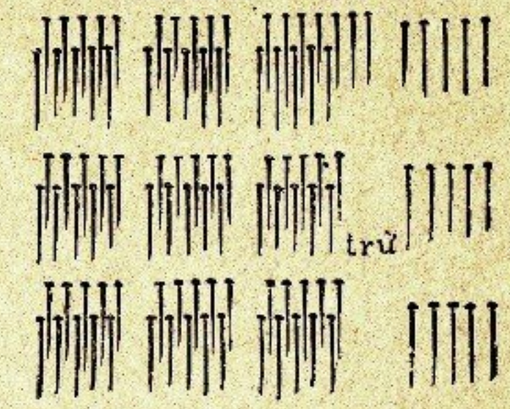

**92** cái đinh ghim (kim găm) trừ **15** cái đinh ghim còn.

### Tập tính miệng

91 người lính và 5 người là bao nhiêu?
88 cái súng và 10 cái súng là bao nhiêu?
75 viên đạn và 15 viên đạn là bao nhiêu?
92 thanh gươm và 8 thanh gươm là bao nhiêu?
Gấp đôi 45 là bao nhiêu?

97 cái địa-đồ trừ 7 cái địa-đồ còn bao nhiêu?
96 bức tranh trừ 23 bức tranh còn bao nhiêu?
99 cái ảnh (1) trừ 18 cái ảnh còn bao nhiêu?
93 cái biển trừ 14 cái biển còn bao nhiêu?
Một nửa 100 là bao nhiêu?

### Tập tính viết

Làm những tính sau này:

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | 11 | 22 | 13 |
| + 84 | 56 | 27 | 38 | 56 |
| 12 | 37 | 41 | 34 | 27 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| — 96 | 97 | 98 | 95 | 100 |
| 3 | 15 | 29 | 18 | 47 |

### Tính đố

1.— Ở lớp Dự-bị có 30 tên học-trò. Ở lớp Đồng-ấu số học-trò nhiều gấp đôi. Vậy hai lớp có cả thảy (2) bao nhiêu học-trò?

2.— Một cuốn chỉ có 90 thước. Trước tôi dùng 7 thước, sau dùng 15 thước, sau nữa lại dùng 12 thước. Vậy còn lại bao nhiêu thước?

(1) hình — (2) hết thảy.

# Bài ôn lại

Làm những tính sau này:

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 26 | 25 | 47 | 28 |
| + | 22 | 53 | 75 | 42 | 19 | 30 | 14 |
| | 45 | 24 | 13 | 18 | 49 | 15 | 56 |

*Tính trừ*

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 88 | 67 | 76 | 68 | 72 | 85 | 100 |
| — | 26 | 52 | 53 | 49 | 59 | 79 | 82 |

## Tập tính miệng

1.— Đếm từ 70 đến 100, rồi từ 100 xuống 70.
2.— Đếm từ 70 cứ thêm 3 không được quá 100.
3.— Đếm từ 100 cứ bớt 5 xuống đến 60.
4.— Trong 85, 58, 88, 96, 89 có mấy chục và mấy số-một?

## Tính đố

1.— Người ta mua hai con trâu, một con giá 45 đồng bạc và một con giá 37 đồng. Vậy phải trả cả thảy bao nhiêu tiền?

2.— Một người nhà bếp đem một đồng bạc đi chợ, tiêu mất 72 xu, thì còn bao nhiêu xu?

## Tập vẽ

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

I II III IV V VI VII VIII IX X XI XII

一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 十一 十二



# Từ một nghìn trở xuống

Tôi đọc **957**: chín trăm năm mươi-bảy

Trong số **957**:

| trăm | chục | số-một | |
|---|---|---|---|
| | | | **9** là hàng trăm |
| | | | **5** là hàng chục |
| **9** | **5** | **7** | **7** là hàng số-một |

Khi không có hàng chục hay hàng số-một, thì người ta viết con **0** thay vào.

Thí-dụ: **405** hay bốn trăm linh năm.
**730** hay bảy trăm ba-mươi.

## Tập tính miệng hay tính viết

1.— Đọc những số sau này: 470, — 497, — 540, — 802, — 884, — 925.

2.— Trong mỗi số ấy có bao nhiêu trăm, bao nhiêu chục, bao nhiêu số-một?

3.— Viết những số này ra chữ số: hai trăm tám-mươi-tư, — bốn trăm mười-tám, — năm trăm linh chín, — bảy trăm hai-mươi

4.— Viết những số này ra chữ: 236, — 827, — 408, — 940.

## Tập vẽ

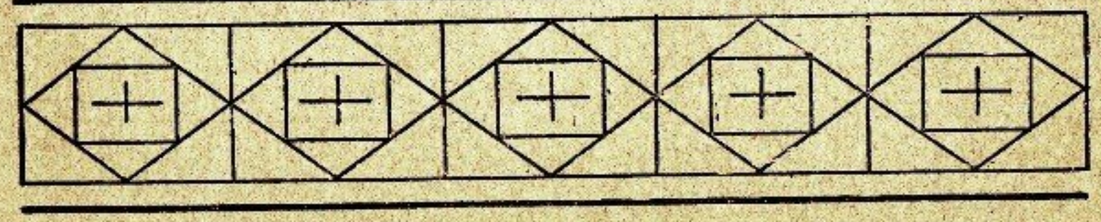

thuongmaitruongxua.vn

# Từ một trăm đến một nghìn

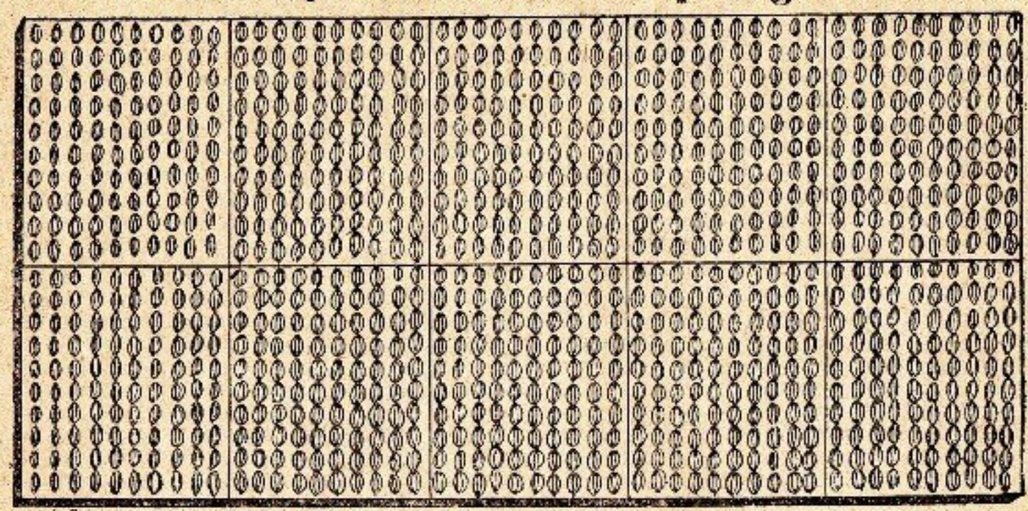

Một nghìn (1.000) hột thóc (lúa)

## Học và chép (viết)

| | |
|---|---|
| Một trăm . . . . . | 100 |
| Hai trăm . . . . . | 200 |
| Ba trăm. . . . . | 300 |
| Bốn trăm . . . . . | 400 |
| Năm trăm . . . . . | 500 |
| Sáu trăm . . . . . | 600 |
| Bảy trăm . . . . . | 700 |
| Tám trăm. . . . . | 800 |
| Chín trăm. . . . . | 900 |
| Một nghìn. . . . . | 1.000 |

## Bài tập

10 trăm là bao nhiêu? Trong 1.000 có mấy trăm? Trăm bé hơn nghìn bao nhiêu lần?

Đếm từng 100 từ 100 đến 1.000, rồi đếm từ 1.000 xuống 100.

Một hộp ngòi bút (viết) có 100 ngòi, 5 hộp, 9 hộp, 10 hộp có bao nhiêu?



| hàng trăm | hàng chục | hàng số-một |
|---|---|---|
| 1 | 8 | 5 |
| | 7 | 5 |
| 7 | 2 | 8 |
| 9 | 8 | 8 |

## Tính cộng (cọng)

Tôi cộng 185 xu, 75 xu và 728 xu.

Tôi viết số nọ dưới số kia và tôi nói 5 và 5 là 10, và 8 là 18. Tôi viết 8 và tôi nhớ 1, 1 nhớ và 8 là 9, và 7 là 16, và 2 là 18. Tôi viết 8 và nhớ 1, 1 nhớ và 1 là 2, và 7 là 9. Tôi viết 9.

## Tập tính viết

Làm những tính sau này:

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 824 | 809 | 724 | 106 |
| + | 527 | 613 | 724 | 63 | 12 | 124 | 38 |
| | 42 | 262 | 175 | 100 | 116 | 37 | 457 |

## Tính đố

1.— Tân có 3 thửa (1) ruộng. Hai thửa mỗi thửa là 25 mẫu, thửa thứ ba là 18 mẫu. Vậy Tân có bao nhiêu mẫu ruộng?

2.— Một người mua một cái nhà 320 đồng bạc, một miếng đất 120 đồng, phí tổn mất 86 đồng. Vậy người ấy phải xuất bao nhiêu tiền cả thảy (2)?

3.— Một tổng có 5 làng. Một làng có 118 dân đinh, làng thứ hai 275, làng thứ ba 326, làng thứ tư 220 và làng thứ năm 350. Vậy cả tổng có bao nhiêu dân đinh?

4.— Một người bán 178 thước vải, 15 thước dạ, 200 thước trúc-bâu. Vậy người ấy bán cả thảy bao nhiêu thước hàng?

(1) sở — (2) hết thảy.

thuongmaitruongxua.vn

# Tính và tính đố về phép cộng (cọng)

## Tính

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| + | 627 | 742 | 306 | 220 | 436 | 108 | 889 | 508 |
| | 52 | 45 | 622 | 708 | 376 | 859 | 42 | 396 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 124 | 222 | 802 | 54 | 300 | 446 | 196 | 426 |
| + | 312 | 433 | 46 | 123 | 426 | 216 | 209 | 198 |
| | 251 | 143 | 51 | 722 | 138 | 188 | 308 | 332 |

## Tính đố

1.— Trong một xưởng thợ có 150 người đàn ông, 28 người đàn-bà và 5 đứa trẻ con. Vậy trong xưởng ấy có bao nhiêu người tất cả (1)?

2.— Tháng riêng tây có 31 ngày, tháng hai tây 28 ngày, tháng ba tây 31 ngày, tháng tư tây 30 ngày, tháng năm tây 31 ngày và tháng sáu tây 30 ngày. Trong sáu tháng ấy có bao nhiêu ngày?

3.— Tháng tám anh Dậu bán 212 thùng thóc, tháng chín bán 320 thùng và tháng mười bán 425 thùng. Anh Dậu bán tất cả (1) là bao nhiêu thùng thóc?

4.— Anh Xuân có 318 đồng bạc, anh Hạ có 200 đồng, anh Đinh có 250 đồng. Cả ba anh có bao nhiêu bạc?

## Tập vẽ

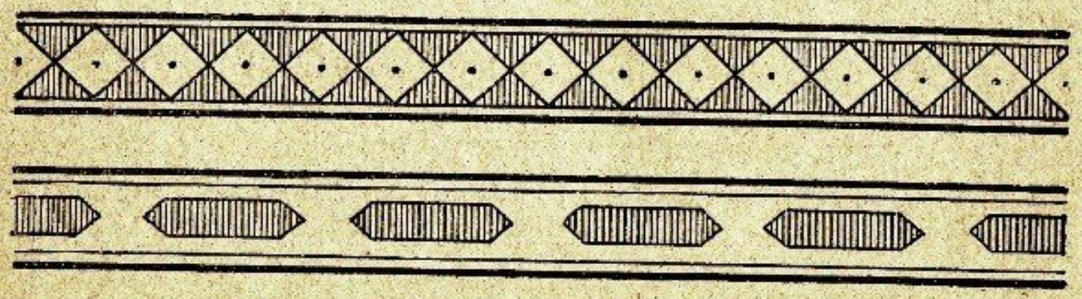

(1) hết thảy.



# Tính và tính đố về phép cộng (cọng)

## Tính

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| + | 542 | 323 | 724 | 408 | 528 | 446 | 729 | 694 |
| | 56 | 456 | 155 | 571 | 307 | 457 | 168 | 147 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 311 | 112 | 744 | 105 | 423 | 66 | 86 | 96 |
| + | 42 | 144 | 22 | 22 | 52 | 167 | 178 | 109 |
| | 126 | 21 | 102 | 60 | 26 | 89 | 426 | 308 |
| | 120 | 301 | 31 | 412 | 40 | 567 | 247 | 296 |

## Tính đố

1.— Trong một trường có 180 học-trò. Số học-trò vắng mặt là 27. Vậy có bao nhiêu học-trò đến học?

2.— Một cuộn chỉ có 360 thước; một cuộn nữa dài hơn cuộn trước là 120 thước. Vậy cuộn chỉ sau dài cả thảy là bao nhiêu thước?

3.— Trong một tấm vải người ta bán lần thứ nhất 18 thước, lần thứ nhì 57 thước, còn là 25 thước. Vậy tấm vải ấy dài bao nhiêu thước?

## Tập vẽ

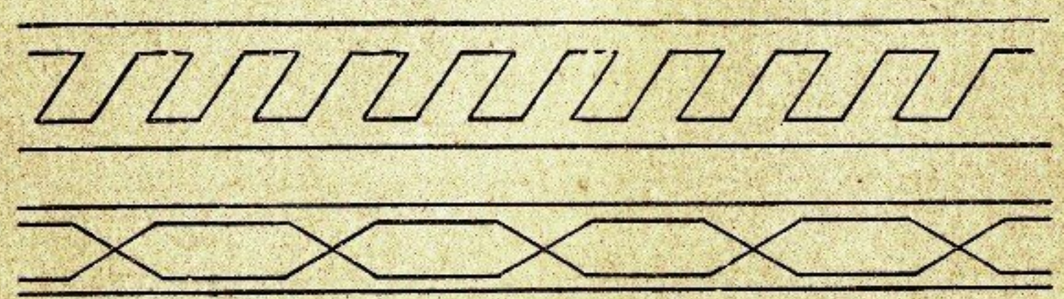

thuongmaitruongxua.vn

## Thước tây, - tấc tây, - phân tây, - ly tây

**1** thước tây = **10** tấc tây = **100** phân tây = **1000** ly tây

**1** tấc tây = **10** phân tây = **100** ly tây

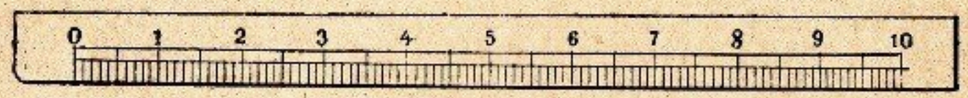


Tấc tây (vẽ to bằng thật)

### Tập tính miệng hay tính viết

1.— Một thước có bao nhiêu tấc ? — Một tấc có bao nhiêu phân ? — Một phân có bao nhiêu ly ?

2.— Một thước có bao nhiêu phân bao nhiêu ly ?

3.— Một cái sân đo được 20 thước bề dài và 12 thước bề ngang. Vậy bề dài hơn bề ngang mấy thước ?

4.— Một hàng rào dài 15 thước. Người ta làm thêm ra 7 thước nữa. Vậy cái hàng rào ấy dài bao nhiêu thước ?

5.— Một quyển sách bề rộng đo được một tấc tây. Phải để bao nhiêu quyển sách cùng một khổ như vậy giáp với nhau cho được một thước tây ?

6.— Trong một nửa thước có bao nhiêu tấc ? — Trong hai thước có bao nhiêu tấc ?

7.— Đo bề rộng cái bàn xem được bao nhiêu tấc tây ?

8.— Đã có sáu tấc rồi thì phải thêm mấy tấc nữa mới được một thước, hai thước ?



## Tính trừ

*Cách thứ nhất*

**957** hột ngô (bắp)
trừ **413** hột ngô
Còn **544** hột ngô

Tôi nói :

7 trừ 3 còn 4, tôi viết 4.
5 trừ 1 còn 4, tôi viết 4.
9 trừ 4 còn 5, tôi viết 5.

*Cách thứ nhì*

**815** xu
trừ **294** xu
Còn **521** xu

Tôi nói :

5 trừ 4 còn 1, tôi viết 1. 1 trừ 9 không được, tôi nói 11 trừ 9 còn 2, tôi viết 2, tôi nhớ 1. Nhớ 1 với 2 là 3, 8 trừ 3, còn 5, tôi viết 5.

### Tập tính viết

Làm những tính trừ sau này :

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 538 | 753 | 899 | 658 | 926 | 804 | 542 | 1.000 |
| — | 105 | 220 | 722 | 446 | 745 | 359 | 405 | 834 |

### Tính đố

1.— Một người thợ làm 2 tháng được 32 đồng bạc. Tháng thứ nhất người ấy làm được 18 đồng. Tháng thứ nhì người ấy làm được bao nhiêu ?

2 — Một trường có 125 người học-trò chia làm hai lớp. Một lớp được 105 người. Còn lớp kia có bao nhiêu người ?

3.— Anh Ba nợ 100 đồng bạc. Anh đã trả được một nửa rồi. Anh còn nợ bao nhiêu nữa ?

4.— Một người nợ 727 đồng bạc. Đã trả lại được 248 đồng. Người ấy còn phải trả bao nhiêu nữa ?

5.— Một người mua 547 đồng bạc hàng, bán lại được 740 đồng. Người ấy được lãi bao nhiêu ?

thuongmaitruongxua.vn

# Tính và tính đố về phép trừ

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 548 | 187 | 812 | 396 | 478 | 878 |
| − 27 | 36 | 501 | 225 | 347 | 576 |
| 456 | 527 | 436 | 845 | 934 | 1.000 |
| − 82 | 409 | 185 | 678 | 757 | 456 |

## Tính đố

1.— Anh Tam có 90 xu. Anh đã tiêu mất 15 xu. Anh còn bao nhiêu xu nữa?

2.— Trong một cái vườn có cam và ổi tất cả là 34 cây. Có 19 cây cam. Hỏi có mấy cây ổi?

3.— Một con trâu và một con bò giá cả thảy là 108 đồng bạc. Con trâu giá 59 đồng. Con bò giá bao nhiêu?

4.— Một người mua 120 ki-lô-gam đường, đã bán 92 ki-lô-gam rồi. Còn bao nhiêu ki-lô-gam nữa?

5.— Trong một năm tôi làm được 726 đồng bạc. Tôi tiêu mất 598 đồng. Tôi còn để dành được bao nhiêu?

6.— Tôi có 725 đồng bạc. Tôi muốn mua một cái nhà giá 900 đồng. Tôi còn phải có thêm bao nhiêu nữa?

## Tập vẽ

LÀM TRAI QUYẾT CHÍ TU THÂN

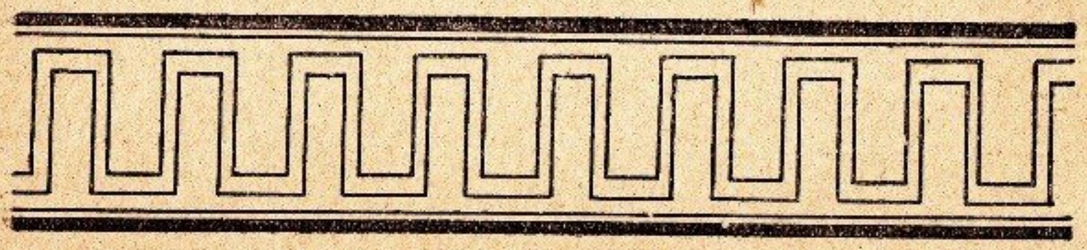



# Tính và tính đố về phép trừ

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 355 | 275 | 486 | 974 | 567 | 896 |
| − 43 | 52 | 475 | 843 | 455 | 785 |
| 426 | 727 | 507 | 624 | 405 | 1.000 |
| − 32 | 468 | 235 | 297 | 298 | 927 |

## Tính đố

1.— Một làng phải sửa một quãng đường dài 836 thước. Làng ấy đã sửa được 572 thước rồi. Vậy còn phải sửa bao nhiêu thước nữa?

2.— Một con gà phải ấp 21 ngày. Nó đã ấp được 8 ngày rồi. Còn mấy ngày nữa thì gà con nở?

3.— Một người hàng thịt mua 2 con bò, giá 86 đồng bạc. Một con giá 58 đồng. Còn con kia giá bao nhiêu?

4.— Phải dùng 920 viên gạch thì mới lát (lót) được một cái sân. Người ta đã mua 450 viên rồi. Còn thiếu bao nhiêu viên nữa?

5.— Một đống gạch có 1.000 viên. Người ta đã dùng 745 viên để xây tường. Còn bao nhiêu viên nữa?

6.— Một người mua một bì sợi là 542 đồng bạc, bán lại được 625 đồng. Người ấy được lãi bao nhiêu?

## Tập vẽ

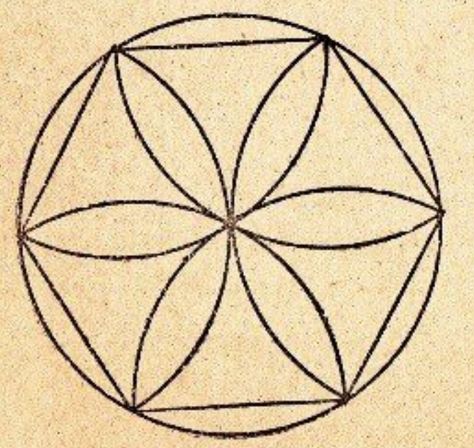

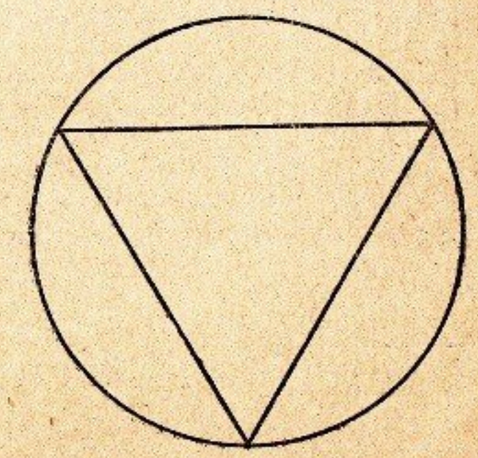

thuongmaitruongxua.vn

# Đồng bạc, - đồng hào (giác) (1), - đồng xu

Một đồng bạc giá 10 hào hay là 100 xu. Một hào giá 10 xu.

## Tập tính miệng hay tính viết

Một đồng bạc giá mấy hào, mấy xu?

Mười hào giá bao nhiêu xu?

Phải có mấy hào thì được một đồng bạc? — 4 đồng bạc? — 7 đồng bạc? — 9 đồng bạc?

2 đồng bạc, — 3 đồng bạc, — 5 đồng bạc giá bao nhiêu xu?

Phải có bao nhiêu xu thì mới được 3 đồng bạc, — 8 đồng bạc?

## Tính nhẩm

1. — Tôi muốn mua 1 quyển (2) vở 15 xu. Tôi chỉ có một hào thôi. Tôi còn phải có bao nhiêu xu nữa?

2. — Mỗi quyển (3) sách giá 30 xu. Tôi mua hai quyển, em tôi mua một quyển. Chúng tôi phải trả bao nhiêu xu cả thảy?

3. — Một người đàn-bà đem đi chợ một đồng bạc. Người ấy mua một con gà là 30 xu, một nải chuối là 10 xu, và 25 xu gạo. Người ấy còn mang về bao nhiêu tiền?

(1) các — (2) tập — (3) cuộn



# Bài ôn lại

Làm những tính sau này:

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 426 | 347 | 21 | 567 |
| + | 552 | 486 | 13 | 49 |
| | | | 234 | 203 |
| | | | | 106 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| — | 897 | 758 | 626 | 1.000 |
| | 625 | 536 | 578 | 672 |

## Tính đố

1. — Một quyển (1) sách có 303 trang. Tôi đã đọc được 234 trang. Tôi còn phải đọc bao nhiêu trang nữa?

2. — Một cái bể đựng 295 lít nước. muốn đầy bể thì phải đổ thêm vào 43 lít nữa. Vậy bể ấy chứa được bao nhiêu lít cả thảy?

3. — Một quyển tự-điển có 348 trang, 296 trang có tranh vẽ. Còn mấy trang không có tranh vẽ?

4. — Một tấm lụa dài 8 thước. Một tấm nữa dài gấp hai tấm trước. Vậy cả hai tấm lụa dài là bao nhiêu thước?

5. — Một người có 1 đồng bạc. Người ấy trả 30 xu tiền gạo, 20 xu tiền nước mắm. Người ấy còn bao nhiêu tiền?

## Tập vẽ

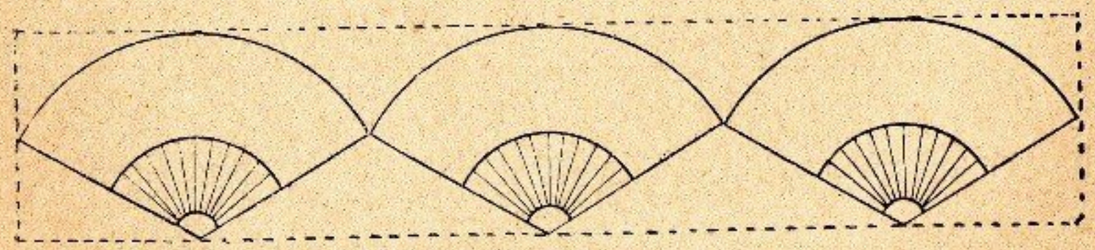

(1) cuốn.

thuongmaitruongxua.vn

Làm những tính sau này:

*Tính cộng* (cọng)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | 125 | 128 |
| + | 742 | 828 | 411 | 549 |
| | 56 | 147 | 252 | 175 |

*Tính trừ*

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 869 | 598 | 602 | 905 |
| — | 852 | 475 | 418 | 787 |

## Tính đố

1.— Một người buôn bán có 725 đồng bạc. Người ấy trả một lần trước 220 đồng bạc, lần sau 165 đồng bạc. Người ấy còn bao nhiêu tiền?

2.— Một người buôn thóc có 720 thúng thóc. Người ấy lại mua thêm 120 thúng nữa, rồi bán lại 543 thúng. Người ấy còn bao nhiêu thúng thóc nữa?

3.— Chị tôi đi chợ tiêu mất 3 hào 9 xu, mua được 8 xu rau, 7 xu hoa quả và một con gà. Vậy con gà giá bao nhiêu?

4.— Một anh bếp mua 2 con cá, mỗi con 10 xu, một con gà giá 30 xu và 2 quả xoài, mỗi quả 2 xu. Người bếp ấy mua tất cả mất bao nhiêu tiền? Nếu người bếp ấy mang đi chợ 60 xu thì phải đem về bao nhiêu?

## Tập vẽ

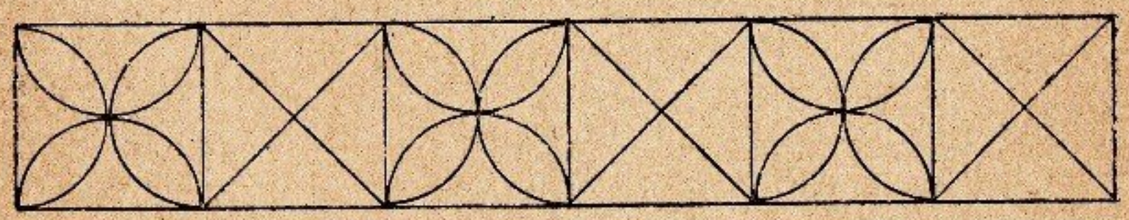

# CÁCH-TRÍ

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

# CÁCH-TRÍ

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

### 1. — Thân-thể người ta

Thân-thể người ta chia làm ba phần: *đầu, mình và chân tay.*

Thân-thể thì có *da* bao bọc khắp cả. Đầu thì có *tóc*. Đàn ông thì có *râu* ở cằm và ở mép.

Khi trời nóng nực thì da người ta có mồ-hôi chảy ra. Ở trong da thì có thịt; trong thịt thì có xương. Các anh thường đã trông thấy xương lợn (1), xương gà. Cái nào cũng cứng và rắn. Tất cả (2) các xương trong một con vật thì gọi là một *bộ xương*.

Người ta cũng vậy, ai cũng có bộ xương. Các anh nắn (3) ở chân tay thì thấy ở trong có xương. Ở trên đầu thì có xương sọ, xương hàm. Ở trong mình thì có xương sống, xương sườn và xương hông. Ở chân (4) tay thì có xương chân và xương tay.

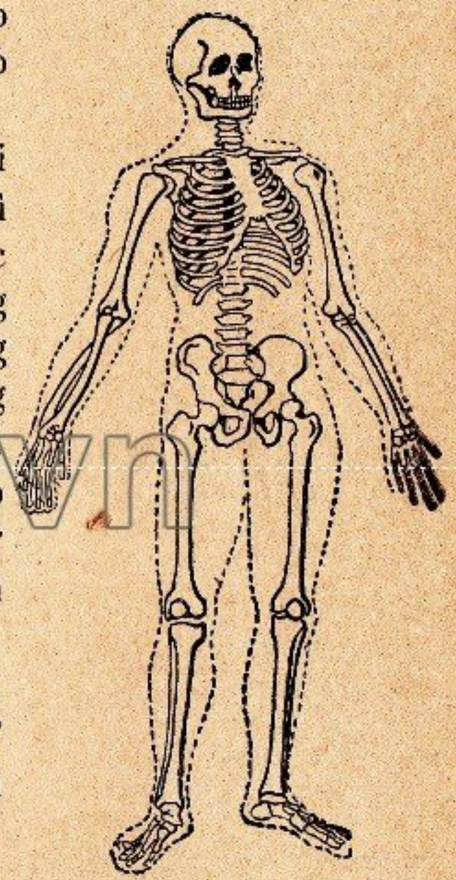

Bộ xương

**Toát-yếu.** — *Thân-thể người ta thì có da bọc ngoài. Ở da thì có mồ-hôi chảy ra. Đầu thì có tóc. Đàn ông thì có râu ở cằm và ở mép. Trong người thì có xương. Tất cả các xương trong người gọi là bộ xương.*

**Câu hỏi.** — Thân-thể người ta có gì bao bọc? — Mồ-hôi chảy ở đâu? — Tóc và râu mọc ở đâu? — Tất cả các xương trong người gọi là gì?

(1) heo — (2) hết thảy — (3) bóp — (4) chưn.

## 2. — Khớp-xương và thịt

Trong bộ xương của người ta, thì có nhiều cái xương ghép vào khớp với nhau như ở vai, khuỷu (củi) tay, cổ tay, vân vân Những chỗ hai đầu xương nối với nhau, thì gọi là *khớp xương*.

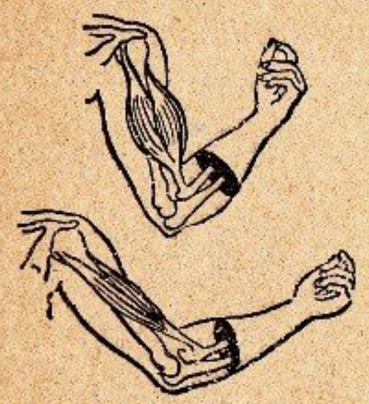

Khớp-xương và bắp thịt

Thịt trong người có từng bắp, hai đầu có gân bám vào đầu xương Những bắp thịt ấy có thể duỗi ra hay co lại được. Vậy nhờ có thịt và khớp-xương thì ta mới cử-động được.

Các anh thử nắn[1] bắp thịt ở cánh tay mà xem. Khi tay gấp lại thì bắp thịt nổi lên và cứng ra. Các anh nắn các bắp thịt khác, như ở đùi hay bắp chân, thì cũng thấy như thế cả.

**Toát-yếu.** — *Khớp-xương là những chỗ hai đầu xương nối với nhau.*

*Thịt trong người thì có từng bắp, hai đầu dính vào đầu xương. Bắp thịt có thể co lại duỗi ra được. Có thịt, có khớp-xương thì ta mới cử-động được.*

Câu hỏi. — Khớp-xương là gì? — Không có khớp-xương thì thế nào? — Thịt ở trong người thế nào? — Bắp thịt bám vào xương thế nào?

(1) bóp.



## 3. — Đồ ăn

Người ta có ăn thì mới sống được.

Người ta ăn cơm, ăn thịt, ăn cá, ăn rau, ăn quả[1]. Đó là những thứ *đồ ăn đặc*, người ta thường dùng.

Lại còn có thứ *đồ ăn lỏng* nữa, như là sữa, canh, cháo, chè và các thứ đồ uống như nước, nước chè, nước vối. Sữa ăn rất bổ. Rượu thì ta không nên uống

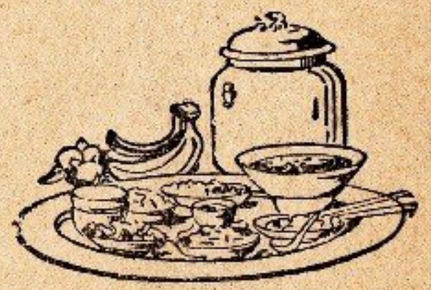

Mâm cơm

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — *Người ta phải ăn thì mới sống được. Có thứ đồ ăn đặc, như cơm, cá, thịt, rau, và đồ ăn lỏng, như sữa, cháo, canh, nước, nước chè, nước vối.*

*Ta không nên uống rượu.*

Câu hỏi. — Tại làm sao phải ăn? — Đồ ăn đặc có những thứ gì? — Đồ ăn lỏng có những thứ gì? — Đồ uống có những thứ gì?

(1) trái cây.

## 4. — Sự tiêu-hóa

Khi người ta ăn, thì trước hết cho đồ ăn vào miệng, lấy *răng* nhai cho nhỏ để trộn lẫn (1) với *nước miếng*, rồi nuốt xuống *dạ-dày* (2). Đồ ăn vào đến dạ-dày, lại ngấu (3) nhỏ thêm ra, như một thứ cháo, rồi mới vào ruột. Vào ruột thì đồ ăn phân ra làm hai thứ: Cái cốt thì nhập với máu để nuôi thân-thể, còn cái bã thì hóa ra phân. Thế gọi là *tiêu-hóa*.

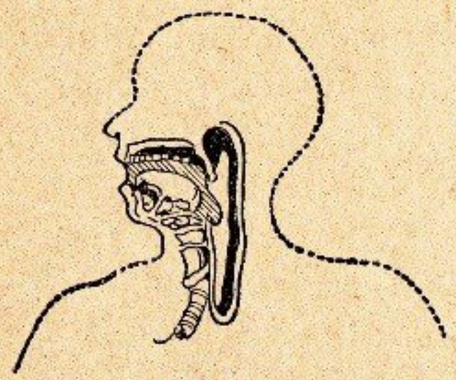

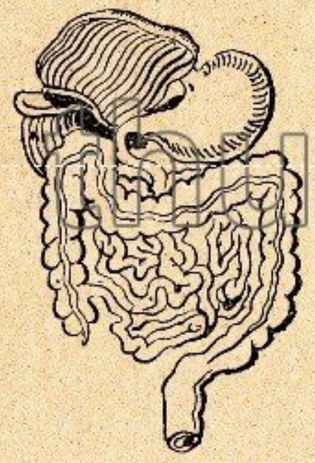

Bộ máy tiêu-hóa

Muốn cho dễ tiêu-hóa, thì ăn phải có điều-độ (4) và phải nhai cho kỹ.

**Toát-yếu.** — *Khi ăn thì đồ ăn vào mồm, vào dạ-dày rồi vào ruột. Vào ruột thì đồ ăn chia làm hai thứ: cái cốt thì nuôi thân-thể, cái bã thì hóa ra phân. Thế gọi là tiêu-hóa.*

**Câu hỏi.** — Khi ta ăn thì đồ ăn vào những đâu? — Khi đồ ăn vào dạ-dày thì hóa ra gì? — Vào ruột thì hóa ra gì? — Muốn cho dễ tiêu-hóa thì phải ăn uống thế nào?

(1) lộn — (2) bao-tử — (3) nghiền — (4) chừng đỗi.



## 5. — Sự hô-hấp

Nếu các anh (trò) lấy tay bịt mũi lại, thì thấy khó chịu ngay, là vì không thở được. Người ta có thở thì mới sống. Thở tức là hít khí trời vào mũi hay vào mồm qua cuống họng, rồi vào phổi. Buồng phổi thì ở trong ngực. Khí trời vào đến phổi thì tiếp với máu, rồi lại trở ra. Sự hít không-khí vào và thở không-khí ra, gọi là *hô-hấp*.

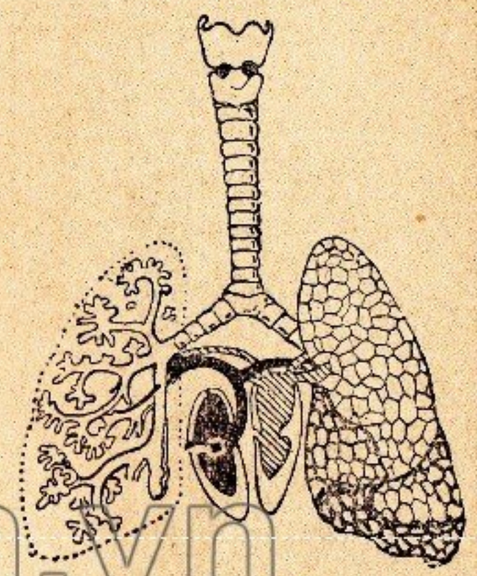

Bộ máy hô-hấp

Muốn cho được khỏe mạnh thì ta phải thở không-khí trong sạch. Những nơi mình ăn nằm phải cho thoáng. Phải thở đàng mũi, chứ đừng thở đàng miệng.

**Toát-yếu.** — *Người ta phải hô-hấp thì mới sống được. Hô-hấp là hít không-khí vào và thở không-khí ra. Phải hô-hấp không-khí trong sạch, thì mới khỏe mạnh được.*

**Câu hỏi.** — Lấy tay bịt mũi lại, thì các anh thấy thế nào? — Thế nào gọi là hô-hấp? — Tại làm sao phải hô-hấp không-khí trong sạch?

thuongmaitruongxua.vn

## 6. — Sự tuần-hoàn(1)

Lỡ khi nào ta đứt tay thì ta trông thấy *máu* ở trong tay chảy ra. Máu là một thứ nước đỏ ở khắp cả trong người ta. Máu ở từ *quả*(2) *tim* chạy đi, lưu chuyển luôn khắp cả thân-thể, rồi lại trở về quả tim. Ta để tay vào ngực, thì thấy quả tim động. Quả tim động như thế, là đẩy máu ra các *mạch máu*.

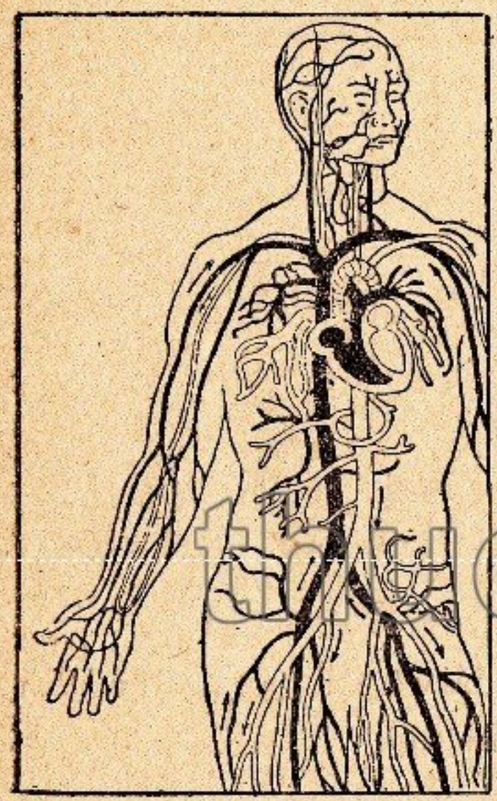

Bộ máy tuần-hoàn

Có hai thứ mạch máu, là *mạch máu đỏ* và *mạch máu đen*.

Các anh thử sẽ để ngón tay lên cổ tay, thì thấy máu chạy ở trong mạch máu đỏ. Các anh lại nhìn ở trên mu bàn tay, thì thấy những đường xanh xanh. Đấy là những mạch máu đen.

**Toát-yếu.** — *Trong thân-thể người ta, bao giờ máu cũng chạy luôn. Máu ở quả*(2) *tim theo mạch máu đỏ chạy đi các nơi, rồi lại theo mạch máu đen mà chạy về quả tim. Như thế gọi là tuần-hoàn*(1).

**Câu hỏi.** — Thứ nước chạy khắp trong thân-thể ta gọi là gì? — Máu chạy từ đâu chạy đi? — Máu ở quả tim chạy đi, thì theo đường nào? — Chạy về thì theo đường nào?

(1) hườn — (2) trái.



## 7. — Ngũ quan

Người ta có *tay* để sờ (rờ) mó, *lưỡi* để nếm, *mũi* để ngửi, *mắt* để trông(1), *tai* để nghe, tức là *ngũ quan*.

Khi các anh muốn biết một vật nào cứng hay mềm, trơn hay ráp (nhám), nóng hay lạnh, thì phải lấy tay mà sờ (rờ). Tay chủ về việc sờ mó.

Tay Lưỡi

Nếu ta để miếng đường vào lưỡi, thì ta thấy vị ngọt, nếu ta để hột muối, thì ta thấy vị mặn. Vậy lưỡi là để nếm các vị. Lưỡi là chủ việc nếm.

*(Còn nữa)*

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — *Người ta có ngũ quan là tay, lưỡi, mũi, mắt, tai.*

*Tay chủ việc sờ mó.*

*Lưỡi chủ việc nếm.*

**Câu hỏi.** — Ngũ quan là những gì? — Sự sờ mó thì cốt ở cái gì? — Sự nếm cốt ở cái gì?

(1) ngó.

## 8. — Ngũ quan (tiếp theo)

Nếu anh (trò) lấy cái hoa [1] để gần mũi, thì thấy mùi thơm. Nếu anh bịt mũi lại, thì không ngửi thấy gì nữa. Như thế là nhờ có mũi thì ta mới biết các mùi. Vậy mũi là chủ sự ngửi.

Mắt Tai Mũi

Mắt là để cho ta trông [2] thấy các đồ vật ở xung-quanh ta. Có mắt thì ta mới biết các vật ấy sắc gì, hình thế nào, xa gần làm sao. Vậy mắt là chủ sự trông.

Tai là để cho ta nghe những tiếng nói, tiếng động. Càng đến gần thì những tiếng ấy nghe lại càng rõ. Tai là chủ sự nghe

**Toát-yếu.** — *Mũi để ngửi cho biết mùi.*
*Mắt để trông cho biết hình, sắc đồ vật.*
*Tai để nghe các tiếng nói, tiếng động.*

Câu hỏi. — Mũi để làm gì? — Có mắt thì ta biết được những gì? — Mắt chủ sự gì? — Tai để làm gì?

(1) bông — (2) ngó.

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG THỨ HAI

## 1. — Các động-vật

Các anh (trò) trông [1] trong hình vẽ, thì thấy một con mèo đang vờn [2] hòn đá ở bên cạnh chậu cảnh. Con mèo là thuộc loài *động-vật*, cây cảnh là thuộc loài *thực-vật*, đá là thuộc loài *khoáng-vật*.

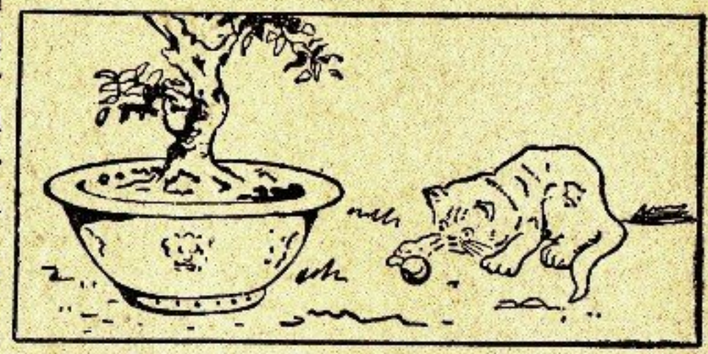

Con mèo — Chậu cảnh — Hòn đá

Trong trời đất, thì chỉ có ba loài là: động-vật, thực-vật và khoáng-vật.

Nay ta học về loài động-vật. Các anh đã biết con chó giữ nhà, con mèo bắt chuột, con trâu, con bò kéo cày. Con lợn [3], con dê thì để ăn thịt, con ngựa thì để cưỡi [4]. Những con vật ấy là con vật người ta nuôi ở trong nhà, và có ích cho người ta lắm.

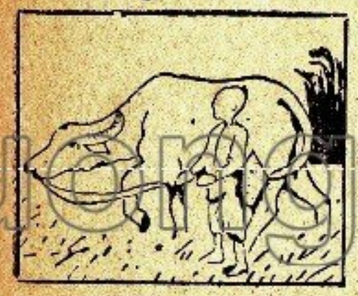

Con trâu

Nhưng lại còn có giống vật ở trên rừng, như con cọp, con beo, con lợn-lòi [5], con gấu, con hươu, con nhím.

Những con vật ấy thường có nhiều con rất hại cho người ta, như con cọp, con báo hay bắt người và các súc-vật; con hươu, con lợn-lòi [5], vân vân, hay phá hại mùa màng.

Con cọp

**Toát-yếu.** — *Trong trời đất thì có ba loài là: động-vật, thực-vật và khoáng-vật. Những giống vật người ta nuôi là vật có ích. Những giống vật ở rừng, thì phần nhiều là hại cho người ta.*

Câu hỏi. — Trong trời đất có mấy loài? — Là những loài nào? — Những giống vật nuôi là những vật nào? — Những giống vật ở rừng là những vật nào?

(1) ngó — (2) dởn — (3) heo — (4) cỡi — (5) heo rừng.

## 2. — Loài chim

Các anh (trò) trông con gà mái kia. Nó có lông, có mỏ, hai chân, hai cánh. Nó đẻ ra trứng, nó ấp trứng nở ra gà con.

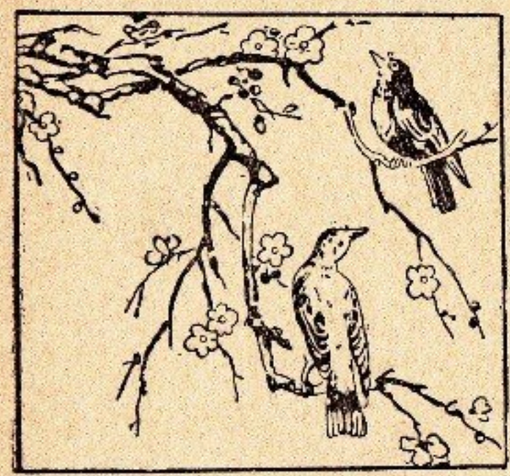

Chim trời

Gà là một loài chim người ta nuôi cũng như vịt, ngỗng, bồ-câu, v. v. Người ta nuôi những giống chim ấy để ăn thịt và lấy trứng.

Nhưng còn có nhiều loài chim người ta không nuôi được, chim bồ-các, quạ, chèo-bẻo, chim đẻ, cun-cút, cắt (mắt-cắt) diều-hâu, v. v. Những chim ấy là chim trời.

Chim trời lắm con có ích cho ta, như là chim nhạn, chim sáo, hoàng-anh, chích-chòe, chào-mào, chèo-bẻo, v. v. vì nó ăn những sâu bọ làm hại mùa-màng của ta. Ta không nên phá tổ và bắt những chim ấy.

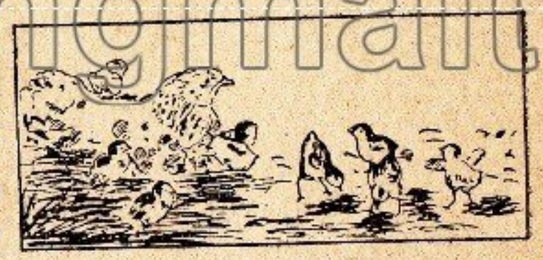

Đàn gà

**Toát-yếu.** — *Chim là loài vật có lông, có mỏ, hai chân, hai cánh, và đẻ ra trứng.*

*Có thứ chim nuôi và có thứ chim trời.*

*Nhiều thứ chim trời có ích cho ta. Ta không nên phá tổ chim.*

**Câu hỏi.** — Loài chim có những gì không giống các loài vật khác? — Chim nuôi có những giống gì? — Chim trời có những giống gì?

thuongmaitruongxua.vn



## 3. — Loài bò-sát

Các anh (trò) thường trông thấy những con thằn-lằn (1) nằm phơi nắng ở chỗ hàng rào. Mình nó không có lông, không có vảy. Chân (2) nó rất ngắn. Khi nó bò thì bụng sát tận đất. Nó đẻ ra trứng.

Thằn-lằn (rắn mối)

Con rắn

Con rắn cũng giống như thằn-lằn, nhưng mình dài hơn mà lại không có chân (2), có vảy. Nhiều thứ rắn có nọc độc, cắn chết người.

Con rùa cũng thuộc về một loài với thằn-lằn, nhưng mình nó dẹt và có mai (vỏ).

Con rùa

Rùa, rắn, thằn-lằn đều thuộc về một loài bò sát mặt đất, gọi là loài *bò-sát.*

**Toát-yếu.** — *Loài bò-sát là giống vật, chân rất ngắn, hay là không có chân, mà bò sát mặt đất. Con thằn-lằn, con rùa, con rắn, đều thuộc loài bò-sát. Giống rắn thường có nọc độc, cắn chết người.*

**Câu hỏi.** — Hình giáng con thằn-lằn thế nào? — Những giống vật nào thuộc về loài bò-sát? — Giống rắn độc thế nào?

(1) ở Bắc-kỳ gọi THẰN-LẰN, tức Trung-kỳ gọi là RẮN-MỐI ; ở Bắc-kỳ gọi MỐI, tức Trung-kỳ gọi là THẰN-LẰN.

(2) chưn.

# 4. — Con cóc

Con cóc thì chiều chiều hay nhảy ra vườn ăn sâu bọ và sên (trơ). Da nó sù-sì (súc-sĩu), mắt nó to, trông nó thật[1] gớm ghê. Tuy vậy mà nó là một giống vật rất có ích.

Nòng-nọc Cóc

Cóc là giống ở cạn, nhưng lúc mới nở ra, thì là con nòng-nọc (óc-nóc) ở dưới nước. Nòng-nọc không có chân[2], bụng to, đuôi dài trông tựa như cá. Dần dần[3] nó mọc chân ra, rồi rụng đuôi đi, thành ra, con coc.

Ếch, nhái, chẫu-chuộc (chọng-hương) cũng thuộc về loài cóc.

**Toát-yếu.** — *Cóc ăn sâu bọ và sên (trơ). Da nó sù-sì, mắt nó to. Lúc mới đẻ là con nòng-nọc ở dưới nước. Cóc là một giống có ích.*

**Câu hỏi.** — Cóc ăn gì? — Hình dáng con cóc thế nào? — Lúc mới đẻ thì cóc là gì?

(1) thiệt — (2) chưn — (3) lần lần.



# 5. — Loài cá

Ca ở dưới nước, có mang, có vảy, có vây. Cá thở bằng mang, lội bằng vây.

Cá có hai thứ:

Một thứ là cá nước ngọt, ở ruộng, ao, hồ, sông, như

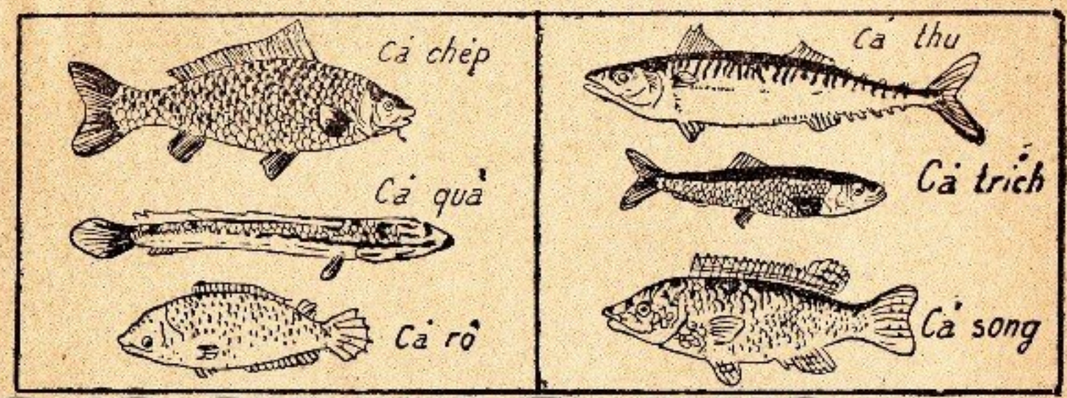


Cá nước ngọt Cá nước mặn

cá chép (cá gáy), cá quả (cá trâu)[1], cá rô, cá giếc, cá bống, cá mè, cá nheo (cá leo), cá trê, vân vân...

Một thứ là cá nước mặn ở biển, như cá thu, cá song, cá chim, cá trích, cá nục, cá nghéo, cá dám (cá nhám), cá mập, cá bớp, vân vân...

Người ta đánh cá để ăn và để làm nước-mắm.

**Toát-yếu.** — *Cá ở dưới nước, có mang, có vảy, có vây. Có thứ cá nước ngọt và thứ cá nước mặn. Người ta đánh cá để ăn và để làm nước-mắm.*

**Câu hỏi.** — Cá ở đâu? — Có mấy thứ cá? — Cá nước ngọt có những giống gì? — Cá nước mặn có những giống gì? — Người ta đánh cá để làm gì?

(1) cá lóc.

thuongmaitruongxua.vn

## 6. — Loài côn-trùng

Ta hãy xem một con bướm, thì ta thấy mình nó chia ra làm ba phần. Đàng trước là đầu, có hai con mắt, khúc

Con ong

Con ruồi

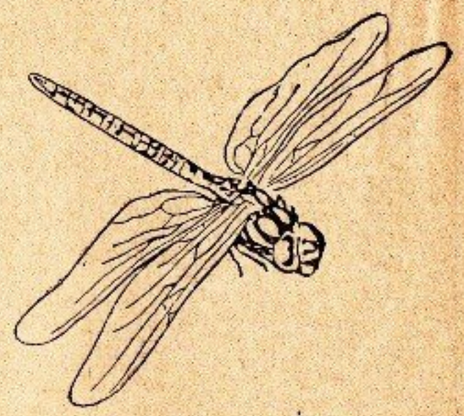

Con chuồn-chuồn

giữa có chân[1], có cánh, đoạn cuối thì to hơn mà không có gì cả. Con bướm ấy là một thứ *côn-trùng*.

Những giống côn-trùng thì nhiều lắm, không kể xiết được. Ruồi, muỗi, chuồn-chuồn, châu-chấu, bọ-dừa, cánh-cam[2], ong, kiến, rệp, bọ-chó, rận, tằm, sâu-rỏm, v. v... đều là giống côn-trùng cả.

Côn-trùng là những vật làm hại ta. Song cũng có giống có ích, như con ong thì gây mật, con tằm thì nhả tơ.

**Toát-yếu.** — *Côn-trùng là những con vật nhỏ, hoặc có cánh, hoặc không cánh, thường làm hại người ta. Cũng có một vài con có ích, như con ong gây mật, con tằm nhả tơ.*

**Câu hỏi.** — Côn-trùng là loài gì? — Những giống côn-trùng nào làm hại người ta? — Những giống côn-trùng nào có ích cho người ta?

(1) chưn — (2) cánh quít.



## 7. — Con tằm

Con ngài (bướm) mà các anh (trò) trông thấy kia, đẻ ra trứng. Trứng nở ra những con sâu nhỏ tý[1], là con tằm. Những con tằm ấy ăn lá dâu, lớn lên nhả tơ ra làm tổ ở. Cái tổ ấy, ta gọi là cái *kén*. Con tằm nằm ở trong cái kén, hóa ra con dộng (nhộng). Con dộng dần dần hóa ra con ngài (bướm), rồi cắn cái kén mà chui[2] ra. Con ngài cũng như con bướm, có cánh, nhưng không bay được.

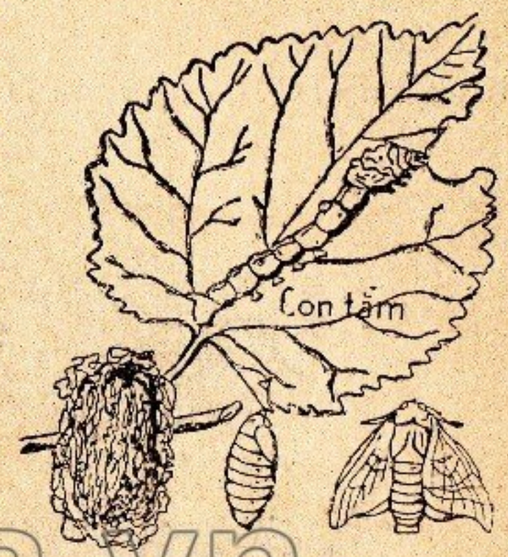


Cái kén Cong dộng Con ngài

Cái kén là một cuộn tơ tròn, người ta bỏ vào nước nóng, để gỡ lấy tơ. Tơ dệt thành lụa, để may quần áo.

**Toát-yếu** — *Con ngài (bướm) đẻ ra trứng. Trứng nở ra tằm. Con tằm kéo tơ, rồi hóa ra con dộng (nhộng). Con dộng hóa ra con ngài.*

*Người ta ươm kén để lấy tơ, dệt thành lụa, may quần áo.*

**Câu hỏi.** — Con ngài đẻ ra gì? — Trứng ngài nở ra gì? — Con tằm ăn gì? — Tổ con tằm gọi là gì? — Người ta ươm kén để làm gì? — Tơ để làm gì?

(1) nhỏ xíu — (2) chun

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG THỨ BA

LOÀI THẢO-MỘC

## 1. — Các bộ-phận trong cây

Các anh (trò) hãy trồng[1] cây bàng ở ngoài sân. Trên thì có *cành*[2], có *lá*, giữa là *thân* cây, dưới cùng là *rễ* cây.

Rễ ăn sâu xuống dưới đất, để kiếm đồ ăn mà nuôi cây, và giữ cây cho vững.

Thân cây thì cứng, chia ra thành cành. Cành có lá và hoa[3] quả[4]. Quả có hột. Hột gieo, lại nở thành cây.

Rễ cây, thân cây, cành cây, lá cây, hoa, quả, tức là các bộ-phận trong cây.

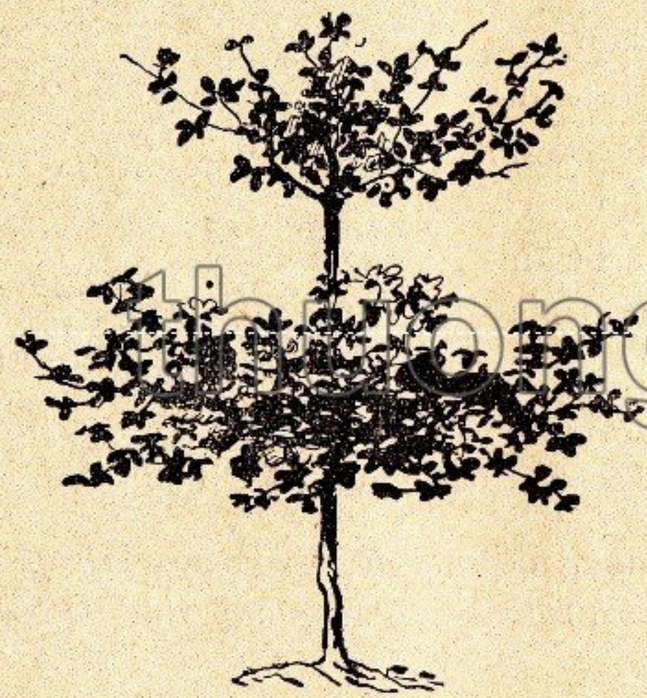

Cây bàng

**Toát-yếu.** — *Các bộ-phận trong cây là rễ cây, thân cây, cành*(2) *cây, và hoa*(3) *quả*(4). *Quả có hột. Hột gieo xuống đất lại nở thành cây.*

**Câu hỏi.** — Cây có những bộ-phận gì? — Rễ có ích cho cây như thế nào? — Quả ở đâu mà ra? — Hột gieo thành gì?

(1) ngó — (2) nhành — (3) bông — (4) trái.



## 2. — Các giống cây

Cây có nhiều giống, mỗi giống một khác. Có giống cây to, thân cứng và cao, cành[1] dài mà to như cây đa, cây gạo, vân vân. Đấy là loài cây to.

Cũng có giống cây thấp, thân nhỏ như cây chè, cây bông. Đấy là loài cây nhỏ.

Lại còn giống cây thân mềm, không có gỗ và thấp, như cây đậu, cây lúa, cây ngô[2], cây mía, cây khoai, vân vân. Những cây ấy thuộc về loài cỏ.

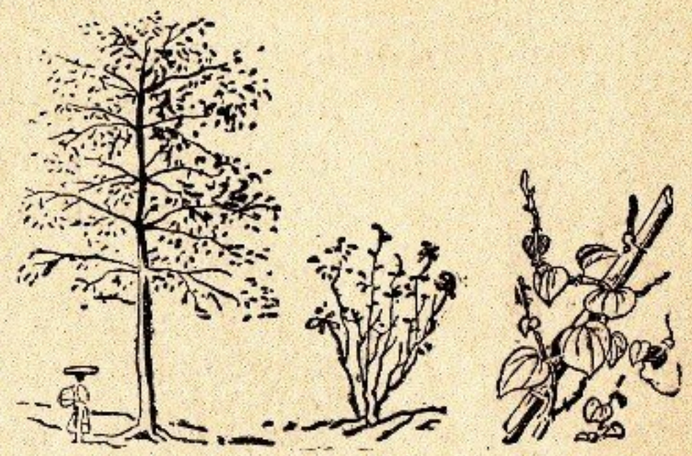

Cây gạo — Cây chè — Cây trầu

Có giống cây có hoa[3] như cây gạo, cây đại, cây dâm-bụt, cây huệ, cây nhài (cây lài), vân vân, và có giống cây không có hoa như cây rêu, cây nấm, cây răng-cưa, vân vân.

Những cây có hoa thì nhiều hơn cây không hoa.

**Toát-yếu.** — *Trong loài thảo-mộc thì có giống cây to, giống cây nhỏ có gỗ, và giống cỏ. Có giống cây có hoa*(3) *và giống cây không có hoa.*

**Câu hỏi.** — Loài thảo-mộc có mấy giống? — Giống cây to anh biết những cây nào? — Giống cây nhỏ anh biết những cây nào? — Những cây nào có hoa? — Những cây nào không có hoa?

(1) nhành — (2) bắp — (3) bông.

thongmaitruongxua.vn

## 3. — Mấy cây có ích ở nước ta

*Cây lúa và cây ngô* (bắp)

Cây ở nước ta trồng nhiều hơn cả, là cây lúa. Cây lúa trồng ở những nơi có nước. Trước hết người ta gieo hột giống, mọc thành cây mạ. Rồi người ta nhổ cây mạ, cấy vào ruộng. Cây lúa giỗ (trổ) lên, có hoa, có bông (chẹn). Khi lúa chín, người ta gặt về, đập ra lấy hột, xay, giã lấy gạo ăn.

Cây lúa

Cây ngô thì có bắp, xung-quanh chi-chít những hột. Hột ngô thì nhẵn (trơn lì) (1) và to hơn hột thóc (lúa).

Người ta ăn ngô nướng, ngô luộc cả bắp, ngô rang hay ngô bung (hầm).

Cây ngô

**Toát-yếu.** — *Cây lúa mọc ở ruộng có nước. Người ta gieo mạ, rồi cấy mạ vào ruộng. Lúa chín gặt về đập, xay, giã thành gạo.*

*Cây ngô có bắp, người ta ăn ngô nướng, ngô luộc, ngô rang, ngô bung (hầm).*

Câu hỏi. — Lúa trồng ở đâu? — Người ta trồng lúa thế nào? — Khi lúa chín, thì người ta làm thế nào thành gạo? — Người ta ăn ngô thế nào?

(1) lành



## 4. — Cây dừa. — Cây cau

Dừa và cau là hai giống cây không có cành (1), thân nó thẳng tuột (đuột), phân ra từng đốt (2) to đều từ gốc lên đến ngọn. Trên ngọn cây có một chùm lá.

Quả (3) dừa thì to bằng đầu người, ở trong có nước.

Lúc quả còn non, thì nước ấy trắng lờ-lờ và ngọt. Khi quả đã già, thì nước ấy trong ra, mà cùi (um) (4) lại dày và cứng.

Cây dừa

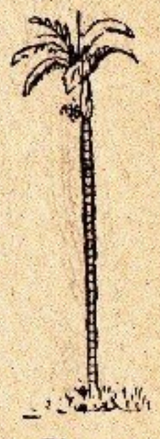
Cây cau

Cùi dừa thì dùng để ép dầu, hay để làm nhân bánh. Quả cau thì nhỏ bằng cái trứng gà. Người ta bổ (bửa) cau ra mà nhai với trầu-không và vôi, gọi là ăn trầu. Ăn trầu thì dùng cau tươi, hoặc cau đã phơi khô.

Ở xứ ta trồng nhiều dừa và cau lắm. Dừa thì thứ nhất ở Nam-kỳ và phía nam Trung-kỳ hay trồng, còn cau thì ở đâu cũng có.

**Toát-yếu.** — *Cây dừa và cây cau không có cành. Thân cây phân ra từng đốt. Ngọn cây có một chùm lá.*

*Quả dừa thì to mà trong có nước, có cùi. Cùi dừa hay dùng để ăn và ép dầu.*

*Quả cau thì nhỏ. Người ta dùng cau nhai với trầu-không và vôi.*

Câu hỏi. — Cây dừa và cây cau hình dáng thế nào? — Quả dừa có gì ở trong? — Dừa để làm gì? — Cau dùng để làm gì?

(1) nhành — (2) mắt — (3) trái — (4) cơm.

thuongmaitruongxua.vn

## 5. — Cây mía

Mía là một thứ cây lá dài, thân nhỏ, chia ra từng đốt [1], và cao tới hai ba thước tây.

Khóm mía

Trong thân cây mía có một thứ nước ngọt. Khi mía đã già, thì người ta chặt, rồi ép lấy nước, mà làm mật và đường. Có khi róc ra, rồi tiện thành từng khẩu mà ăn. Lá mía và bã mía cho trâu bò ăn tốt lắm.

Ở xứ Cao-mên có một thứ cây to như cây dừa, mà cũng dùng làm đường như mía. Giống cây ấy gọi là «thốt-lốt».

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — *Mía là một thứ cây nhỏ, lá dài và thân chia ra từng đốt. Người ta ép mía để làm mật và làm đường. Lá mía và bã mía thì cho trâu bò ăn.*

*Ở xứ Cao-mên có giống cây «thốt-lốt» cũng dùng làm đường.*

Câu hỏi. — Cây mía hình dáng thế nào? — Người ta dùng mía làm gì? — Lá mía và bã mía dùng làm gì? — Ở xứ Cao-mên có giống cây gì cũng dùng làm đường?

(1) lóng.



## 6. — Cây bông

Cây bông là một giống cây nhỏ. Lá bông có khía như răng cưa, hoa bông sắc trắng hay vàng. Trong quả [1] bông có những hột đen. Xung-quanh hột có những sợi nhỏ, trắng và dài, tức là bông.

Cây bông

Khi quả bông chín, thì người ta hái về, cán hột ra. Còn bông thì kéo sợi để dệt vải.

Về miền thượng-du Bắc-kỳ, và ở Cao-mên, người ta kéo lấy sợi để dệt vải. Song cũng có nhiều nơi có nhà máy sợi, lập theo kiểu các nhà máy bên Pháp.

Những quần áo vải ta mặc, là do sợi bông dệt ra cả.

**Toát-yếu.** — *Cây bông là một thứ cây nhỏ. Quả bông có hột; xung-quanh hột có những sợi nhỏ, tức là bông. Khi quả đã chín, người ta hái về, lấy bông ra để kéo sợi, dệt vải. Vải ta mặc, thường là do sợi bông dệt ra.*

Câu hỏi. — Cây bông hình dáng thế nào? — Quả bông có gì? — Người ta hái quả bông về, rồi làm gì? — Người ta dệt bông ở đâu? — Bông dùng để làm gì?

(1) trái.

## 7. — Cây dâu

Dâu cũng là một giống cây nhỏ, người ta thường trồng ở gần bờ sông, là nơi có đất phù-sa.

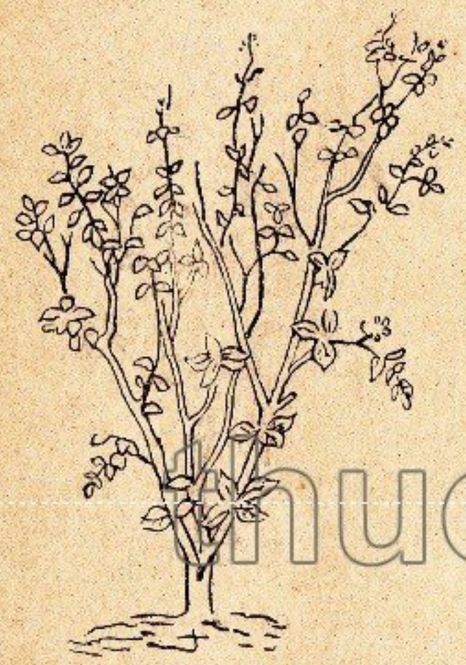

Cây dâu

Dâu có nhiều thứ. Trồng dâu thì người ta trồng bằng cành (1).

Lá dâu hơi ráp (nhám). Cây dâu có thể cao tới mấy thước tây, song hễ nó hơi cao lên, thì người ta chặt (cắt) ngay đi, cho mầm non mọc, thì lá mới non và mới to.

Người ta trồng dâu để lấy lá nuôi tằm.

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — *Dâu là một giống cây nhỏ, người ta trồng bằng cành ở những chỗ đất phù-sa. Người ta trồng dâu để lấy lá nuôi tằm.*

**Câu hỏi.** — Cây dâu hình dáng thế nào? — Cây dâu cao được mấy thước? — Người ta trồng nó ở đâu? — Lá dâu để làm gì?

(1) nhành.



## 8. — Cây chè

Cây chè (1) là một giống cây cao tới hai ba thước tây. Lá chè thì xanh, bóng (láng) và cạnh có răng.

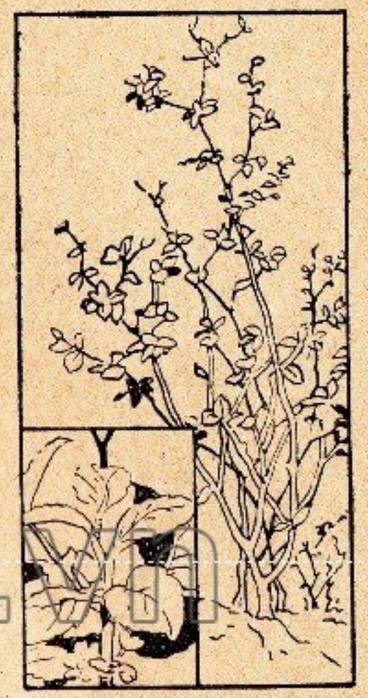


Cây chè

Người ta trồng chè ở những nơi đất xốp, có nhiều mầu, hoặc ở đồi, hoặc ở vườn.

Người ta trồng chè để lấy lá, lấy nụ. Lá thì hoặc để tươi, nấu nước uống, gọi là chè tươi, hoặc phơi khô rồi vò ra, gọi là chè khô. Nụ cũng phơi khô, rồi mới nấu nước, gọi là chè nụ.

Ở xứ ta, thì khi lá chè già rồi, người ta mới hái, còn người Tàu thì lại hái khi lá chè hãy còn non. Chè ấy ủ rồi mới uống gọi là chè tàu.

Người ta thường ướp chè với hoa (2) sen, hay hoa cúc, để uống cho thơm.

**Toát-yếu.** — *Cây chè cao tới hai ba thước tây. Lá chè xanh, bóng (láng) và cạnh có răng. Người ta trồng chè ở đồi hay ở vườn. Người ta trồng chè để lấy lá và nụ, nấu nước uống. Người ta ướp chè với hoa sen hay hoa cúc.*

**Câu hỏi.** — Cây chè hình dáng thế nào? — Người ta trồng chè ở đâu? — Người ta trồng chè làm gì? — Người ta ướp chè bằng gì?

(1) trà — (2) bông.

# ĐỊA - DƯ'

thuongmaitruongxua.vn

# ĐỊA-DƯ

## CHƯƠNG THỨ NHẤT
### MẶT ĐẤT

### 1. — Bình-nguyên. — Cao-nguyên

Khi các anh (trò) ra khỏi cổng[1] làng, các anh trông[2] thấy cánh đồng mông-mênh. Một đôi nơi có cái gò (cồn), cái đống. Kề từng chỗ thì có lồi-lõm[3], nhưng trông tất cả thì là đất bằng. Đấy là đồng-bằng, hay là **bình-nguyên**. Ở bình-nguyên thì người ta cày cấy, có làng xã ở đông-đúc.

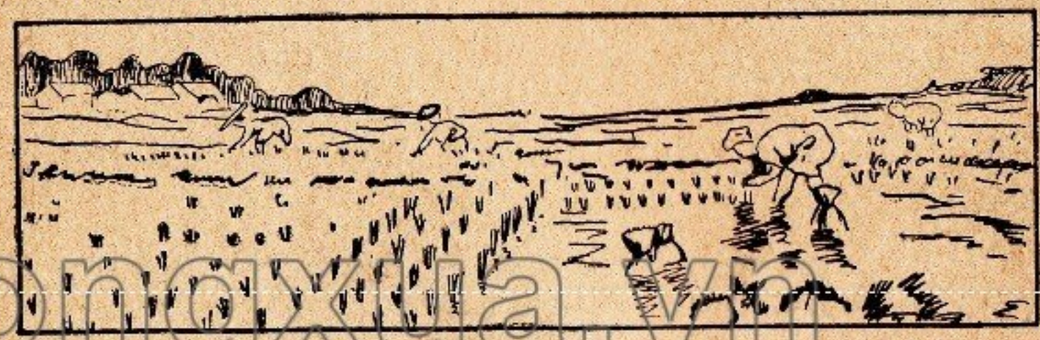

Bình-nguyên

Cũng có nơi bình-nguyên không có người ở, không có cây mọc, gọi là **sa-mạc** (truông cát).

Những nơi bình-nguyên hoặc ở trên núi, hoặc ở cao hơn những bình-nguyên khác, gọi là **cao-nguyên**.

**Toát-yếu.** — Bình-nguyên *là một khoảng đất rộng và phẳng. Bình-nguyên thường có người ở và có ruộng nương.*

*Bình-nguyên không có người ở, và không có cây cối, gọi là* sa-mạc.

*Bình-nguyên ở trên núi hay ở chỗ cao, gọi là* cao-nguyên.

**Câu hỏi.** — Bình-nguyên là gì? — Trên bình-nguyên anh trông thấy những gì? — Sa-mạc là gì? — Cao-nguyên là gì?

(1) cửa — (2) ngó — (3) lô mô

thuongmaitruongxua.vn

## 2. — Núi. — Đồi

Mặt đất không phải là đâu đâu cũng bằng phẳng cả. Có nhiều nơi đất hay đá nổi cao lên. Những nơi cao lên như thế, gọi là **núi**. Núi có hòn to, trèo hàng mấy giờ không lên tới **đỉnh** (nhỏn).

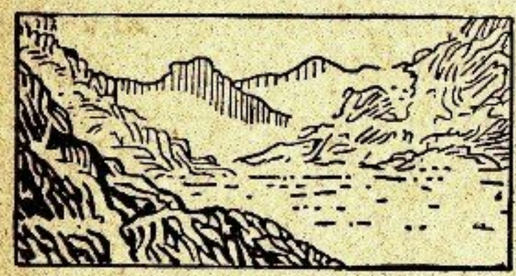

Núi và thung-lũng

Một hòn núi con gọi là **đồi**. Nhiều đồi hay nhiều núi đi luôn với nhau một dãy, thì gọi là **dãy đồi** hay **dãy núi**.

Một lối đi qua hòn núi bên này sang bên kia gọi là **đèo**.

Một dải đất rộng và phẳng, hai bên có đồi hay có núi gọi là **thung-lũng**.

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — Núi *là đất hay là đá cao hơn những vùng ở xung-quanh.*

Đồi *là một quả*[1] *núi con.*

Dãy núi *hay* dãy đồi *là nhiều núi hay nhiều đồi đi liền với nhau.*

Đèo *là lối đi qua núi bên này sang bên kia.*

Thung-lũng *là một dải đất phẳng ở vào hai dãy đồi hay dãy núi.*

**Câu hỏi.** — Núi là gì? — Đồi là gì? — Dãy núi là gì? — Dãy đồi là gì? — Đèo là gì? — Thung-lũng là gì?

(1) trái.



## 3. — Sông ngòi

Khi trời mưa, một phần nước chảy vào các chỗ trũng (thấp), một phần thấm xuống dưới đất, đến khi gặp từng đất-sét không thấm xuống được nữa, thì đọng lại, rồi tìm lối chảy ra. Chỗ nước ở trong đất chảy ra, gọi là **nguồn**. Nước nguồn chảy ra thành **suối**. Nhiều suối chảy làm một thành **sông con**[1]. Nhiều sông con chảy làm một, thành **sông cái**. Sông cái chảy thẳng ra biển.

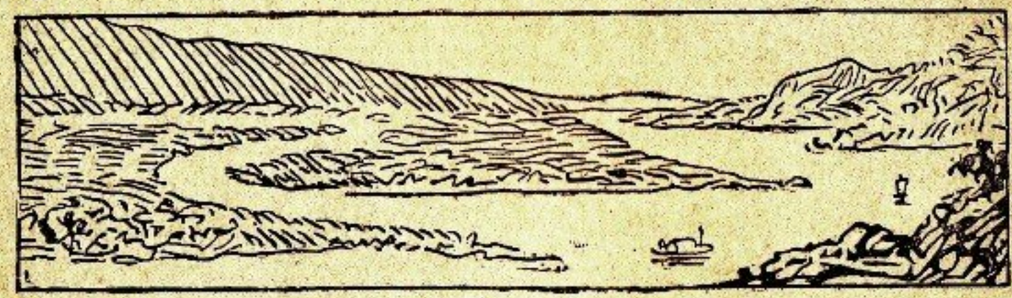

Sông và phụ-lưu của sông

Chỗ sông chảy vào biển gọi là **cửa sông**. Có lắm sông phân ra nhiều chi, rồi mới ra đến biển. Vùng đất ở vào các chi sông ấy, gọi là **châu-thổ**.

Một con sông chảy vào sông khác, thì gọi là *phụ-lưu* của sông ấy. Chỗ hai con sông chảy vào nhau, gọi là **ngã ba sông**. Khi theo dòng nước đi xuống, thì bờ ở bên tay phải, gọi là **hữu-ngạn**, bờ ở bên tay trái, gọi là **tả-ngạn**.

**Tóat-yếu.** — *Nhiều suối chảy làm một thành* sông con. *Nhiều sông con chảy làm một thành* sông cái.

*Chỗ sông mới bắt đầu chảy, gọi là* nguồn sông. *Chỗ sông chảy vào biển, gọi là* cửa sông. *Chỗ hai con sông chảy vào nhau, gọi là* ngã-ba-sông.

Hữu-ngạn *là bờ sông bên tay phải;* tả-ngạn *là bờ sông bên tay trái.*

**Câu hỏi.** — Bởi đâu mà thành ra có sông? — Suối, sông con, sông cái là gì? — Nguồn sông, cửa sông, ngã-ba-sông là gì? — Hữu-ngạn, tả-ngạn là gì?

(1) sông nhỏ.

## 4. — Ao. — Hồ. — Biển

Nước ở chỗ trũng, không chảy đi đâu được, đọng lại thành **ao, hồ.**

Bờ biển — Mũi đất — Vịnh

**Biển** cũng là một cái hồ rất to, đi tầu hàng mấy ngày không trông thấy bờ. Nước biển thì mặn và sắc xanh biếc.

**Bờ biển** là chỗ đất giáp với biển. Bờ biển có nơi là bãi cát thấp, phẳng, có nơi là núi đá cao lởm-chởm.

Những nơi nào đất mọc chĩa ra ngoài biển thì gọi là **mũi-đất.** Những nơi nào biển ăn sâu vào đất thì gọi là **vịnh.** Một cái vịnh nhỏ gọi là **loan.**

Một hòn núi ở ngoài biển gọi là **đảo.** Một hòn đảo mà ba mặt có nước, một mặt liền với đất, thì gọi là **bán-đảo.** Nhiều đảo tụ với nhau một chỗ, thì gọi là **quần-đảo.**

Đảo

**Toát-yếu.** — Ao, hồ *là những chỗ trũng có nước đọng.*

Bán-đảo

Biển *là một làn nước mặn, rộng mông-mênh.*

Bờ biển *là chỗ biển giáp với đất. Bờ biển có chỗ lồi ra, chỗ lõm vào, lập thành những* loan, vịnh, mũi đất, bán-đảo.

Đảo *là một hòn núi ở biển. Nhiều đảo ở quây-quần với nhau một chỗ gọi là* quần-đảo.

**Câu hỏi.** — Ao là gì? — Hồ là gì? — Biển là gì? — Bờ biển là gì? — Mũi đất, vịnh, loan là gì? — Đảo, bán-đảo, quần đảo là gì?

thuongmaitruongxua.vn

CHƯƠNG THỨ HAI

CÁC HIỆN-TƯỢNG TRÊN TRỜI

## 1. — Gió

Các anh (trò) trông[1] ra sân trường mà xem. Lá cây chuyển động là tại làm sao? Không nói các anh cũng biết, là tại có **gió** lay. Gió là gì? Gió là không-khí chuyển động. Gió thổi hiu-hiu, gọi là **gió nhỏ.** Gió thổi mạnh, gọi là **gió to.** Gió thổi đổ nhà cửa, đổ cây-cối, gọi là **bão.**

Mùa đông có gió lạnh, gọi là **gió may** hay **gió heo.**

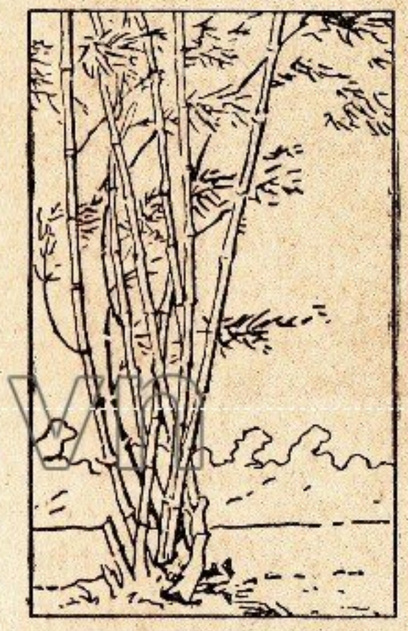

Gió thổi rung cây

**Toát-yếu.** — *Gió là không-khí chuyển động. Gió thổi hiu-hiu gọi là* gió nhỏ, *gió thổi mạnh gọi là* gió to, *thổi dữ-giội, thì thành* cơn bão. *Gió lạnh mùa đông gọi là gió* heo.

**Câu hỏi.** — Gió là gì? — Gió thổi hiu-hiu gọi là gì? — Gió thổi mạnh gọi là gì? — Mùa đông có gió gì?

(1) ngó

## 2. — Mây và mưa

Các anh (trò) trông lên trời, thấy một bầu xanh ngắt. Một đôi chỗ có đám trắng, đám đen. Đấy là những **đám mây**.

Cơn dông

Bao giờ mây kéo khắp trời và có gió lạnh, thì nước rơi xuống gọi là **trời mưa**.

Các anh chắc đã thấy nhiều trận mưa to. Nước mưa đổ sầm-sập, gió thổi ào-ào, có **sấm**, có **chớp**, thỉnh-thoảng lại có tiếng **sét**. Đấy là **cơn dông**.

thuongmaitruongxua.vn

**Toát-yếu.** — *Trên trời có mây.* Mây *gặp lạnh hóa ra* mưa. *Khi trời mưa thì thường có gió.*

*Khi có* cơn dông, *thì có* chớp, *có* sấm, *có* sét.

**Câu hỏi.** — Các anh trông lên trời thấy gì? — Những đám mây trên trời thế nào? — Mưa tự đâu mà sinh ra? — Khi trời mưa, các anh trông thấy gì? — Nghe thấy gì?

CHƯƠNG THỨ BA

PHƯƠNG HƯỚNG — BỐN MÙA

## 1. — Phương hướng

Sáng dậy, các anh (trò) trông thấy mặt trời mọc. Đến chiều tối, các anh lại trông thấy mặt trời lặn.

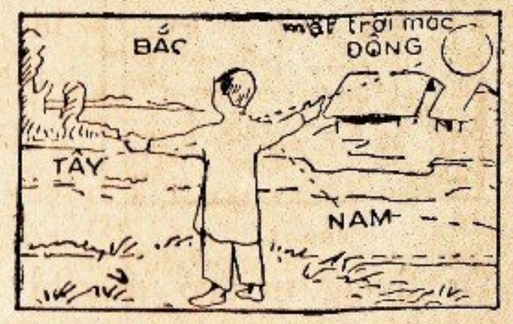


Tìm phương hướng

Phía mặt trời mọc, là phương **Đông**; phía mặt trời lặn, là phương **Tây**. Nếu các anh đứng giang tay phải (1) về bên phương Đông, tay trái về bên phương Tây, thì phương ở trước mặt là phương **Bắc**, phương ở sau lưng là phương **Nam**.

Đông, Tây, Nam, Bắc, gọi là bốn phương.

**Toát-yếu.** — *Bốn phương là* Đông, Tây, Nam, Bắc. *Khi ta đứng giang tay phải về phương Đông thì phương Tây ở bên tay trái, phương Bắc ở trước mặt, phương Nam ở sau lưng.*

**Câu hỏi.** — Phía mặt trời mọc gọi là gì? — Phía mặt trời lặn gọi là gì? — Khi ta đứng giang tay phải về bên phương Đông, thì ở bên tay trái ta là phương gì? — Ở trước mặt ta, ở sau lưng ta là phương gì?

(1) mặt.

## 2. — Bốn mùa

Trong một năm, cũng có lúc thì các anh (trò) mặc áo vải, áo lụa mỏng, cũng có lúc thì các anh mặc áo kép[1], áo bông. Như vậy là tại có lúc trời nực, có lúc trời lạnh. Vì có lúc nực, lúc lạnh, cho nên người ta mới chia một năm ra làm bốn mùa.

Mùa hè

Đầu năm thì khí trời ấm-áp, cây-cối đâm lộc[2], thỉnh-thoảng lại có mưa phùn[3]. Ấy là **mùa Xuân.** Từ tháng tư trở đi, thì trời đã nực. Các cây-cối nở hoa[4], các giống chim làm tổ. Ấy là **mùa Hạ.** Tháng bảy, tháng tám, tháng chín, thì khí trời đã dịu. Cây-cối trĩu những quả[5]. Hoa sen tàn, hoa cúc nở. Ấy là **mùa Thu.** Từ tháng mười cho đến hết năm, là mùa hay mưa dầm gió bấc, rét-mướt, lạnh-lẽo. Ấy là **mùa Đông.**

Mùa đông

**Toát-yếu.** — *Trong một năm có bốn mùa là mùa* Xuân, *mùa* Hạ, *mùa* Thu, *mùa* Đông. *Mùa Hạ thì nực, mùa Đông thì rét. Mùa Xuân và mùa Thu thì ấm.*

**Câu hỏi.** — Trong một năm có mấy mùa? — Là những mùa nào? — Mùa Hạ thì thế nào? — Mùa Đông thì thế nào? — Mùa Xuân, mùa Thu thì thế nào?

(1) lót — (2) lá non — (3) tro — (4) bông — (5) trái.

# MỤC - LỤC

### TOÁN-PHÁP


| | Số trang |
|---|---|
| Lời dặn ông thầy | 3 |
| Mười số đầu — Phép đếm | 4 |
| Tính cộng (cọng) | 8 |
| Tính trừ | 10 |
| Bài ôn lại — Số chẵn và số lẻ | 12 |
| Thước tây | 14 |
| Gấp đôi và một nửa | 15 |
| Từ 20 trở xuống | 16 |
| Cộng | 18 |
| Trừ | 20 |
| Bài ôn lại | 22 |
| Cái lít | 23 |
| Từ 30 trở xuống | 24 |
| Cộng và trừ | 25 |
| Bài ôn lại | 27 |
| Cái cân | 28 |
| Từ 40 trở xuống | 29 |
| Cộng và trừ | 30 |
| Bài ôn lại | 32 |
| Hào (giác). — Xu | 33 |
| Từ 50 trở xuống | 34 |
| Cộng và trừ | 35 |
| Bài ôn lại | 36 |
| Đồng bạc | 37 |
| Từ 60 trở xuống | 38 |
| Cộng và trừ | 39 |
| Bài ôn lại | 40 |
| Từ 70 trở xuống | 41 |
| Cộng và trừ | 42 |
| Bài ôn lại | 43 |
| Từ 80 trở xuống | 44 |
| Cộng và trừ | 45 |
| Bài ôn lại | 46 |
| Từ 90 trở xuống | 47 |
| Cộng và trừ | 48 |
| Bài ôn lại | 49 |
| Từ 100 trở xuống | 50 |
| Cộng và trừ | 51 |
| Bài ôn lại | 52 |
| Từ 1.000 trở xuống | 53 |
| Tính cộng | 55 |
| Thước, tấc, phân, ly | 58 |
| Tính trừ | 59 |
| Đồng bạc. — Đồng hào (giác). — Đồng xu | 62 |
| Bài ôn lại | 63 |


### CÁCH-TRÍ


| | |
|---|---|
| CHƯƠNG I | |
| Thân-thể người ta. — Xương và da | 67 |
| Khớp-xương và thịt | 68 |
| Đồ ăn | 69 |
| Sự tiêu-hóa | 70 |
| Sự hô-hấp | 71 |
| Sự tuần-hoàn | 72 |
| Ngũ-quan | 73-74 |
| CHƯƠNG II | |
| Các động-vật | 75 |
| Loài chim | 76 |
| Loài bò-sát | 77 |
| Con cóc | 78 |
| Loài cá | 79 |
| Loài côn-trùng | 80 |
| Con tằm | 81 |
| CHƯƠNG III | |
| Loài thảo mộc. — Các bộ-phận trong cây | 82 |
| Các giống cây | 83 |
| Mấy cây có ích ở nước ta. — Cây lúa và cây ngô (bắp) | 84 |
| Cây dừa, cây cau | 85 |
| Cây mía | 86 |
| Cây bông | 87 |
| Cây dâu | 88 |
| Cây chè | 89 |


### ĐỊA-DƯ


| | |
|---|---|
| CHƯƠNG I | |
| Mặt đất. — Bình-nguyên. — Cao-nguyên | 93 |
| Núi. — Đồi | 94 |
| Sông ngòi | 95 |
| Ao. — Hồ. — Biển | 96 |
| CHƯƠNG II | |
| Các hiện-tượng trong trời đất. — Gió | 97 |
| Mây và mưa | 98 |
| Phương hướng | 99 |
| Bốn mùa | 100 |


(1) các.



thuongmaitruongxua.vn